

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC  
TIẾNG VIỆT CHO LƯU HỌC SINH LÀO  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. TRẦN THỊ HUYỀN PHƯƠNG**

**Đơn vị: KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC**

**NINH BÌNH, 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC  
TIẾNG VIỆT CHO LƯU HỌC SINH LÀO  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. TRẦN THỊ HUYỀN PHƯƠNG**

**Đơn vị: KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC**

**Thành viên tham gia: ThS. VŨ PHƯƠNG THẢO**

**Đơn vị: TRƯỜNG PTTH SP TRÀNG AN**

**ThS. PHẠM THỊ HỒNG TÂM**

**Đơn vị: KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC**

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

TS. Tạ Hoàng Minh

ThS. Trần Thị Huyền Phương

NINH BÌNH, 2024

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài .....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu .....	5
<b>NỘI DUNG NGHIÊN CỨU</b> .....	6
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI</b> .....	6
1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động trải nghiệm .....	6
1.1.1. Hoạt động trải nghiệm .....	6
1.1.2. Các hình thức hoạt động trải nghiệm.....	12
1.1.3 Vai trò của hoạt động trải nghiệm .....	22
1.2. Công tác đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào trường Đại học Hoa Lư .....	24
1.3 Các hình thức trải nghiệm cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư. ....	27
1.3.1 Đặc điểm văn hóa, tính cách người Lào ảnh hưởng tới quá trình học Tiếng Việt của lưu học sinh Lào .....	27
1.3.2 Các hình thức trải nghiệm cho lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư .....	29
<b>Chương 2: THIẾT KẾ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO LƯU HỌC SINH LÀO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ</b> .....	35
2.1. Định hướng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm .....	35
2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học học phần Hội thoại .....	36
2.3 Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Từ loại và các kiểu câu Tiếng Việt.....	40
2.4 Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề.....	48
2.5. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Thực tế.....	53
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	56
<b>CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI</b> .....	58
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	59

## THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đề tài “Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư” ngoài phần mở đầu, kết luận gồm 2 chương. Chương 1, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài: Hoạt động trải nghiệm, các hình thức hoạt động trải nghiệm nói chung, vai trò của hoạt động trải nghiệm, công tác đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư, các hình thức trải nghiệm cho lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở đó, chương 2 đề tài đi vào thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học tiếng Việt ở từng môn học: Hội thoại, Từ loại tiếng Việt, Câu tiếng Việt, Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề, Thực tế. Vì vậy, đây là đề tài có tính thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư. Đề tài đã đạt mục tiêu đề ra.

# MỞ ĐẦU

## 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Lý thuyết về hoạt động trải nghiệm trong giáo dục đã có từ lâu trên thế giới. Các nhà tâm lý học, giáo dục học nghiên cứu về hoạt động này trên nhiều phương diện khác nhau như Lev Vygotsky, Zadek Kurt Lewin, Thomas More... Theo John Dewey (1859-1952), nhu cầu học chỉ nổi lên từ kinh nghiệm sống hàng ngày và từ những kiến thức đã thu được theo một chuỗi các hoạt động tái hiện, đầu tư, vận dụng kiến thức trong các hành động, hoạt động của cá nhân người học để tiếp tục tiến xa hơn, hiểu biết sâu hơn trong sự trải nghiệm của bản thân [5]. Tác giả Coleman (1976) cho rằng, người học thay vì tìm cách hiểu và đồng hoá thông tin dựa trên lời nói chữ viết thì trong hoạt động học tập trải nghiệm người học phải đưa ra được nghĩa, ý nghĩa của cái mà học trải nghiệm, họ thực hiện. Theo học giả người Mỹ D. Kolbn (1984), *“hoạt động học tập trải nghiệm dựa trên tương tác giữa kiến thức và sự trải nghiệm, đó là kiến thức được rút ra từ chính nguồn gốc của sự trải nghiệm của người học và giá trị, ý nghĩa của kiến thức lại được xác nhận qua sự trải nghiệm mới của người học. quá trình này tạo thành một vòng lặp giữa kiến thức và sự trải nghiệm”* [18]. Tác giả Legendre (2007) lại chú ý phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm phải dựa trên mô hình học tập, dựa trên các bối cảnh, tình huống khuyến khích sự tham gia của người học vào các hoạt động.

Như vậy, hầu hết các lý thuyết đưa ra đều khẳng định vai trò, tầm quan trọng của hoạt động, của sự tương tác, của kinh nghiệm đối với sự hình thành nhân cách con người. Năng lực chỉ được hình thành khi chủ thể được hoạt động, được trải nghiệm.

Ở Việt Nam, hoạt động trải nghiệm trong dạy học được thể hiện trong các văn bản như Luật giáo dục Việt Nam, điều 3, 2019; Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Gần đây, Bộ Giáo dục đào tạo cũng tổ chức nhiều hội thảo về hoạt động trải nghiệm cho học sinh (như: Tổ chức hoạt

động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông, năm 2014; Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học năm 2015). Bên cạnh đó, các nghiên cứu của các tác giả như Đinh Thị Kim Thoa với bài “ *Xây dựng chương trình trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới*”, Tưởng Duy Hải với công trình *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ Văn THCS* , các bài viết của Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Thị Hằng... cho thấy đặc trưng của hoạt động trải nghiệm; vai trò, vị trí quan trọng của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nhằm nâng cao năng lực người học. Ngoài ra còn có rất nhiều nghiên cứu vận dụng hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy các môn học cụ thể, chẳng hạn: *Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Ngữ Văn THCS* của nhóm tác giả Trần Hoài Phương (chủ biên), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học* của Lê Phương Liên – Nguyễn Yên Oanh, *Tổ chức dạy học trải nghiệm trong dạy môn Lịch sử và Địa lý THCS* của Nguyễn Thị Thanh Thuý, *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 10 môn Ngữ Văn* của Nguyễn Thị Hồng Nam...

Vấn đề hoạt động trải nghiệm cho người nước ngoài hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống mà mới chỉ có một số bài viết đề cập đến ở một khía cạnh nhất định. Tác giả Nguyễn Thị Thái Hoà với bài: “*Phát triển vốn từ vựng Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào từ các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường Đại học Hà Tĩnh*” đã đưa ra được một số hình thức trải nghiệm để phát triển vốn từ vựng cho lưu học sinh Lào như: học từ vựng qua việc tham gia Câu lạc bộ tiếng Việt, học từ vựng tiếng Việt qua hình thức dịch tên của lưu học sinh sang tên Tiếng Việt có nghĩa tương đương[10]. Bài “*Vận dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Tân Trào*” của tác giả Nguyễn Mỹ Việt lại tập trung xây dựng hoạt động học tập trải nghiệm theo chủ đề *Tham quan du lịch* trong học phần Hội thoại. Qua trải nghiệm tham quan thực tế, lưu học sinh sẽ chủ động chiếm lĩnh từ mới, phát triển hội thoại, nâng cao được năng lực giao tiếp. Tại Trường Đại học Hoa Lư, để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào, tác giả Nguyễn Thanh Hoà với đề tài: *Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý lưu học sinh Lào tại*

*trường Đại học Hoa Lu hiện nay*”. Đề tài đã gợi ý một số phương pháp giảng dạy tiếng Việt cơ sở cho lưu học sinh Lào trong đó có việc tăng cường thực hành, thực tế. Tác giả Lê Thị Thu Hoài với đề tài: “*Phương pháp giảng dạy từ vựng tiếng Việt trong phần Hội thoại cơ bản dành cho lưu học sinh Lào trường Đại học Hoa Lu*” đã chú trọng tới các phương pháp nhỏ trong giảng dạy từ vựng cho lưu học sinh như: phương pháp nhớ từ, phương pháp giải nghĩa từ, phương pháp phát triển vốn từ.

Các công trình, bài viết trên đây là tài liệu tham khảo hữu ích, gợi ý cho chúng tôi trong quá trình triển khai thực hiện đề tài.

## **2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**

Học tập qua trải nghiệm là phương pháp đang được nhiều nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới áp dụng. Đó chính là quá trình đặt người học trong môi trường học tập đa dạng, học đi đôi với hành, học từ chính hành động của bản thân, học trong nhà trường gắn với giải quyết các vấn đề thực tiễn của cộng đồng. Thông qua hoạt động trải nghiệm, người học được tạo cơ hội phát triển năng lực của chính mình. Đối với lưu học sinh nước ngoài, Bộ Giáo dục đã có quy định về khung năng lực Tiếng Việt 6 bậc dành cho người nước ngoài theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015. Theo đó, người học phải đạt được các năng lực Tiếng Việt cụ thể như: năng lực nghe hiểu tiếng Việt; năng lực đọc hiểu tiếng Việt; năng lực tạo lập lời nói; năng lực tạo lập văn bản viết bằng tiếng Việt... Muốn vậy, giảng viên phải giúp cho lưu học sinh sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết để các em xử lý những tình huống thường gặp phải trong cuộc sống hằng ngày; cung cấp những trải nghiệm thực tiễn giúp các em tham gia vào các tình huống học thuật, tình huống tương tác xã hội khác nhau, phát triển các hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, kỳ vọng được miêu tả trong khung năng lực tiếng Việt.

Trong những năm qua, thực hiện Biên bản thỏa thuận hợp tác hữu nghị giữa hai tỉnh U – đom - xay và Ninh Bình trong đó có hợp tác về giáo dục – đào tạo,

Trường Đại học Hoa Lư bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp kinh tế, xã hội của tỉnh đã luôn chú trọng công tác đào tạo lưu học sinh Lào. Số lượng lưu học sinh Lào được nhà trường tiếp nhận mỗi năm là 10 em. Trở ngại lớn nhất đối với các lưu học sinh Lào khi sang Việt Nam học tập là sự bất đồng về ngôn ngữ. Tiếng Việt là phương tiện quan trọng nhất giúp các em hoà nhập vào môi trường sống và học tập. Tiếng Việt cũng là điều kiện quan trọng để các em học kiến thức chuyên ngành. Do vậy, để nâng cao năng lực Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào đòi hỏi giảng viên ngoài việc vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp cũng cần phải chú trọng nhiều đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

Chương trình Tiếng Việt cơ sở đào tạo lưu học sinh Lào của trường Đại học Hoa Lư (xây dựng năm 2019) gồm 863 tiết chú ý rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học. Với các học phần/môn học trong chương trình, lưu học sinh Lào đều được trải nghiệm, tham gia vào các tình huống thực hành giao tiếp cụ thể trên lớp theo chủ đề mỗi bài (chủ đề bản thân, gia đình, thể thao, sức khoẻ, thời gian...) cũng như trong các hoạt động, trải nghiệm ngoài giờ lên lớp như tham quan, thực tế. Tuy nhiên, quá trình giảng dạy Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư, trong một số học phần, giảng viên đôi khi chưa vận dụng đa dạng, phong phú các hình thức dạy học trong đó có việc tổ chức hoạt động trải nghiệm. Một số bài giảng có nội dung, chủ đề gắn liền với đất nước và con người Việt Nam khi dạy còn khô khan, cứng nhắc, chưa tạo được hứng thú, động lực và hiệu quả trong quá trình học tập Tiếng Việt cho các em. Trong giao tiếp, lưu học sinh Lào còn mắc lỗi về phát âm, dùng từ, ngữ pháp... Do vậy, xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn của việc học Tiếng Việt của lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư đồng thời với mục đích nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào, chúng tôi nghiên cứu đề tài: *“Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư”*.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**



Trên cơ sở đề xuất và thiết kế một số hình thức trải nghiệm phù hợp với các nội dung, chủ đề dạy học trong các học phần cụ thể, đề tài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy các học phần Từ loại Tiếng Việt; Các kiểu câu Tiếng Việt, Hội thoại cơ bản và nâng cao; Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề; Thực tế.

#### **5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Cách tiếp cận: Lý thuyết - Ứng dụng**

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Tìm hiểu các vấn đề lý luận có liên quan đến hoạt động trải nghiệm.

- Phương pháp quan sát trực tiếp: Quan sát hoạt động dạy và học của giảng viên và lưu học sinh để thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến đề tài nhằm mục đích nhận xét hiệu quả của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích đặc điểm và sự phù hợp của từng hình thức hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung, chủ đề dạy học. Trên cơ sở đó, thiết kế một số hoạt động trải nghiệm tương ứng.

# NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

## Chương 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

#### 1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động trải nghiệm

##### 1.1.1. Hoạt động trải nghiệm

###### 1.1.1.1. Trải nghiệm

Jean Jacques Rousseau đã từng nói: “ Người sống nhiều nhất không phải là người sống lâu năm nhất mà là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất”. Điều đó có nghĩa là trải nghiệm có vai trò đặc biệt quan trọng với cuộc sống con người.

Theo từ điển Bách khoa Việt Nam, “ *trải nghiệm* theo nghĩa chung nhất, là bất kỳ một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận( cùng với tri thức, ý thức... ) trong đời sống tâm lý của từng người. Theo nghĩa hẹp hơn, chuyên biệt hơn của tâm lý học, “*trải nghiệm là những tín hiệu bên trong, nhờ đó các sự kiện diễn ra đối với cá nhân được ý thức chuyển thành ý kiến cá nhân, góp phần lựa chọn tự giác các động cơ cần thiết, điều chỉnh hành vi của cá nhân*” [13, tr.515]

Theo Từ điển Tiếng Việt, *trải* là “đã từng trải qua, từng biết, từng chịu đựng, *trải nghiệm* là “kinh qua thực tế nhận thấy điều nào đó là đúng”, *trải nghiệm* là kinh qua, trải qua [7, tr.1020]

Có thể nói, trải nghiệm là một khía cạnh không thể thiếu trong cuộc sống con người. Hàng ngày, chúng ta trải qua những việc nhỏ nhất như thưởng thức một bữa ăn ngon, xem một bộ phim hay cho đến những trải nghiệm lớn hơn như tham gia một sự kiện văn hóa, thăm quan một địa điểm mới hay thậm chí là trải qua những thử thách trong cuộc sống. Mỗi trải nghiệm là một hành trình tâm hồn của chúng ta, một sự kết hợp phức tạp giữa cảm xúc, ý thức và tri giác. Những trải nghiệm này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhận thức và hiểu biết của con người về thế giới xung quanh. Chúng ta học hỏi từ trải nghiệm, từ những thất bại và thành công, từ

niềm vui và nỗi buồn, từ sự thú vị và hào hứng cũng như từ sự mệt mỏi và thách thức.

Nói đến trải nghiệm là nói đến những điều từng nghe, nhìn, biết, đánh giá...từ thực tiễn hay từ sách vở. Nhờ trải nghiệm mà một người có được những kiến thức, kỹ năng, hình thành năng lực, phẩm chất, rút ra bài học cho bản thân, biến nó thành kinh nghiệm riêng của cá nhân và vận dụng vào cuộc sống. Trải nghiệm không thể tách rời khỏi thực tiễn cũng như các hoạt động của con người, đặc biệt những điều kiện hay hoàn cảnh mà con người trải qua.

Quan niệm về trải nghiệm được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra những cách định nghĩa khác nhau. Nhìn chung, các quan niệm đều thống nhất cho rằng trải nghiệm là quá trình quan sát (trải qua), tham gia hay tiếp xúc với sự vật, sự kiện nào đó trong thực tiễn qua đó có được những hiểu biết nhất định về chúng nhằm thoả mãn nhu cầu tự nhận thức, tự rèn luyện của cá nhân do trải nghiệm của cá nhân nảy sinh ở những môi trường, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau.

Chúng tôi cho rằng, *trải nghiệm* là quá trình cá nhân được trực tiếp tham gia và trải qua các hoạt động thực tiễn của cuộc sống (học tập, lao động, giao tiếp, vui chơi, nghiên cứu khoa học...) trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Ở đó thông qua tương tác, giao tiếp với sự vật, hiện tượng, con người, họ có cơ hội được thực hành, thực tế, được phát hiện và chứng minh khả năng của mình. Từ đó hình thành những kinh nghiệm, những xúc cảm tích cực, hướng tới phát triển năng lực cá nhân.

#### **1.1.1.2. Hoạt động trải nghiệm**

Hoạt động trải nghiệm là thuật ngữ xuất hiện trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 và được xác định rõ: Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp Tiểu học được gọi là Hoạt động trải nghiệm, ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông được gọi là Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được triển khai qua bốn

mạch nội dung hoạt động chính: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp. Chương trình cũng đưa ra quan điểm về hoạt động trải nghiệm “*là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai... góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và các năng lực đặc thù cho học sinh*” [2]

Một số nhà giáo dục cũng đã đưa ra quan điểm của mình về hoạt động trải nghiệm. Tác giả Đinh Thị Kim Thoa cho rằng: “*Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục thông qua sự trải nghiệm và sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm dần chuyển hóa thành năng lực*” [6]. Theo tác giả Lê Huy Hoàng, “*hoạt động trải nghiệm là hoạt động mang tính xã hội thực tiễn đến với môi trường giáo dục trong nhà trường, giúp học sinh tự trải nghiệm, qua đó hình thành và thể hiện được phẩm chất, năng lực, nhận ra được năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh được cá tính, giá trị, nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển của bản thân, bổ trợ và cùng với các hoạt động trong chương trình thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo dục. Hoạt động này nhấn mạnh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo ở người học*” [6].

Tác giả Tường Duy Hải cho rằng: “*hoạt động học tập trải nghiệm là quá trình người học tham gia vào việc xây dựng kiến thức, hình thành kỹ năng, năng lực qua các thao tác, hoạt động, hành động các nhân với môi*

*trường xã hội, môi trường sống, môi trường tự nhiên bằng sự nhận thức và cảm xúc của chính mình. Hoạt động này dựa trên sự dịch chuyển từ những kinh nghiệm sống của bản thân thành các kiến thức của cá nhân”[18]*

Theo tác giả Phan Trọng Ngọ, hoạt động trải nghiệm có những đặc trưng: Quá trình học tập qua trải nghiệm được bắt đầu bằng sự thu nhận kinh nghiệm từ các giác quan và kết thúc bằng sự phân tích, khái quát hoá và áp dụng cho chu kỳ mới. Quá trình này chỉ thực sự hiệu quả khi người học có được cơ hội sử dụng, khai thác, kết nối được kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới, được tạo điều kiện tham gia hoạt động một cách tự giác, tự chủ, độc lập và sáng tạo.

Như vậy, khái niệm *hoạt động trải nghiệm* được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, tùy vào quan điểm nghiên cứu của các nhà giáo dục học, tâm lý học. Tuy nhiên, các tác giả đều thống nhất ở một điểm là coi hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, được tổ chức theo phương thức trải nghiệm và sáng tạo nhằm góp phần phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

Chúng tôi quan niệm về *hoạt động trải nghiệm* như sau: Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của nhà giáo dục, học sinh được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn trong và ngoài nhà trường; giúp hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực từ đó tích lũy được vốn kinh nghiệm cho bản thân; vận dụng vào giải quyết được những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.

### **1.1.1.3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm**

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học được khái quát ở một số đặc điểm cơ bản như sau:

#### ***Mục đích:***

Hoạt động trải nghiệm được thực hiện một cách có tổ chức trong hoặc ngoài nhà trường nhằm phát triển nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân học sinh, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời tham gia các hoạt động quan tâm chia sẻ tới những người xung quanh, hình thành và phát triển

cho học sinh những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần thiết. Đối với lưu học sinh Lào, hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt giúp các em chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ tiếng Việt bằng phương thức kinh qua, nhập thân, khám phá, nếm trải nội dung học tập môn Tiếng Việt vào thực tiễn đời sống.

### ***Về nội dung:***

Hoạt động trải nghiệm có nội dung rất đa dạng và mang tính tích hợp, tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học, nhiều lĩnh vực học tập và giáo dục như: giáo dục đạo đức, giáo dục trí tuệ, giáo dục kỹ năng sống... Nội dung giáo dục của hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thiết thực và gắn gũi với cuộc sống thực tế, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của học sinh, giúp các em vận dụng những hiểu biết của mình vào thực tiễn cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi. Bên cạnh hoạt động có tính tích hợp, lưu học sinh được lựa chọn một số hoạt động chuyên biệt phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú của bản thân để phát triển năng lực sáng tạo riêng của mỗi cá nhân.

### ***Về hình thức:***

Hoạt động trải nghiệm có thể được tổ chức dưới nhiều *hình thức* khác nhau như trò chơi, tham quan du lịch, hội thi/cuộc thi, sân khấu hóa, câu lạc bộ... Mỗi hình thức hoạt động được xây dựng đều có những khả năng giáo dục nhất định. Từ các hình thức tổ chức đa dạng đó mà việc giáo dục học sinh được thực hiện một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, sinh động, không khô cứng, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi cũng như nhu cầu, nguyện vọng của học sinh. Đối với lưu học sinh Lào, giảng viên là người thiết kế, chuẩn bị, tổ chức, hướng dẫn nhằm giúp cho các em huy động mọi giác quan, mọi kinh nghiệm cá nhân, kiến thức nền đã có trước đó để đạt được mục tiêu bài học. Các em sẽ được kinh qua, nếm trải vào những tình huống học tập cụ thể thông qua đó mang những điều được học, kiến thức, kỹ năng vận dụng vào đời sống

thực tiễn. Từ đó mà phát triển các năng lực, đặc biệt năng lực đặc thù là *năng lực ngôn ngữ*.

### ***Về quy mô tổ chức***

Hoạt động trải nghiệm có thể tổ chức theo các *quy mô* khác nhau như: theo nhóm, theo lớp, theo khối lớp, theo trường hoặc liên trường. Tuy nhiên, tổ chức theo quy mô nhóm và quy mô lớp có ưu thế hơn về nhiều mặt như đơn giản, không tốn kém, mất ít thời gian, học sinh tham gia được nhiều hơn và có nhiều khả năng hình thành, phát triển các năng lực cho học sinh hơn và dễ dàng trong việc theo dõi, đánh giá. Riêng các lớp của lưu học sinh Lào, do có sĩ số không đông vì mỗi năm nhà trường chỉ đào tạo 10 em cho tỉnh U-đom - xay nên hoạt động trải nghiệm chủ yếu tổ chức theo quy mô lớp học.

### ***Về địa điểm***

*Địa điểm* tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh nói chung và lưu học sinh Lào nói riêng có thể ở trong hoặc ngoài nhà trường như: lớp học, thư viện, phòng đa năng, sân trường, viện bảo tàng, các khu di tích lịch sử và văn hóa, các danh lam thắng cảnh, các làng nghề, các cơ sở sản xuất, nhà các nghệ nhân... hoặc ở các địa điểm khác ngoài nhà trường có liên quan đến chủ đề hoạt động.

### ***Về lực lượng tham gia***

Hoạt động trải nghiệm có khả năng thu hút sự tham gia phối hợp, liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Mỗi lực lượng giáo dục có những thế mạnh và tiềm năng riêng. Tùy thuộc vào nội dung, tính chất của từng hoạt động trải nghiệm sáng tạo mà đòi hỏi sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp của các lực lượng giáo dục. Chẳng hạn, với lưu học sinh Lào, để tổ chức hoạt động trải nghiệm cần sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, các sinh viên Việt Nam, hướng dẫn viên tại các điểm du lịch, người dân – nơi diễn ra hoạt động trải nghiệm... Như vậy, hoạt động trải nghiệm sẽ giúp các em được học tập, giao lưu rộng rãi, được lĩnh hội các nội

dung giáo dục qua nhiều kênh khác nhau, nhiều cách tiếp cận khác nhau. Điều đó làm tăng tính đa dạng, sự hấp dẫn và hiệu quả giáo dục.

### **1.1.2. Các hình thức hoạt động trải nghiệm**

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau. Tùy theo đối tượng, mục tiêu giáo dục và nội dung đặc thù của môn học, nội dung bài học để chúng ta lựa chọn những hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp và hiệu quả. Sau đây, chúng tôi xin trình bày khái quát một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm tiêu biểu được sử dụng nhiều trong dạy học.

#### **1.1.2.1. Trải nghiệm qua hoạt động khám phá thực tế, tham quan, dã ngoại**

Học thông qua những chuyến đi khám phá thực tế là một hình thức trải nghiệm khi hoạt động học tập được tổ chức bên ngoài lớp học nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể được xác định trước. Trong những chuyến đi này, người dạy có thể là giáo viên, hướng dẫn viên...

Theo Kent, Gilbertson và Hunt (1997), có 3 hình thức học thông qua khám phá thực tế:

- (1) Người học quan sát
- (2) Người học tham gia vào một số hoạt động
- (3) Người học tham gia vào một vị trí làm việc hoặc dự án nghiên cứu.

Trong ba hình thức nêu trên, hình thức thứ hai và ba cần được thực hiện nhiều hơn vì nó tạo cho học sinh cơ hội tham gia trải nghiệm thực tiễn cuộc sống, phát triển khả năng quan sát, tìm hiểu thực tế, giải quyết vấn đề, nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, khả năng tự chủ, tự lập kế hoạch.

Học thông qua trải nghiệm thực tế có những đặc điểm như:



- Đáp ứng được các nhu cầu học tập và phong cách học tập khác nhau của học sinh
- Phát triển năng lực quan sát, nghiên cứu của học sinh
- Giúp học sinh hiểu sâu các khái niệm, các lý thuyết được học trong lớp học
- Tăng hiểu biết về thế giới xung quanh
- Tăng kỹ năng ứng phó và giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống

Tham quan, dã ngoại là một hình thức khám phá thực tế hấp dẫn đối với học sinh. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em được đi thăm tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các thắng cảnh, các di tích lịch sử văn hoá, công trình, nhà máy hoặc địa danh nổi tiếng của đất nước ở ngoài nơi các em đang sống, học tập... giúp các em có được những kinh nghiệm từ thực tế, từ các mô hình, cách làm hay và hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em

Các chuyến tham quan, dã ngoại sẽ tăng cường cơ hội cho học sinh được giao lưu, chia sẻ và thể hiện những khả năng vốn có của mình, đồng thời giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, đất nước, hiểu được các giá trị truyền thống và hiện đại. Tham quan, dã ngoại là hoạt động thu hút đông đảo học sinh tham gia bởi tính thực tế pha màu sắc vui chơi của nó. Đây là điều kiện và môi trường tốt cho các em tự khẳng định mình, thể hiện tính tự quản, tính sáng tạo và biết đánh giá sự cố gắng, sự trưởng thành của bản thân cũng như tạo cơ hội để các em thực hiện phương châm “học đi đôi với hành”, “lí luận đi đôi với thực tiễn”.

Các dạng tham quan, dã ngoại: Có thể phân chia các dạng tham quan theo vị trí của hoạt động trải nghiệm này trong quá trình học tập về một chủ đề nhất định. Có các dạng tham quan như sau:

-Tham quan mở đầu cho việc học tập một chủ đề: Trước khi học 1 chủ đề nào đó, học sinh được tham quan nhằm chuẩn bị tâm thế, kiến thức cho việc học chủ đề.

-Tham quan trong quá trình học tập một chủ đề: Nhằm tạo điều kiện cho học sinh kiểm tra lại một phần kiến thức đã học

-Tham quan kết thúc một chủ đề : Nhằm củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức của chủ đề đã học.

***Các bước tổ chức hoạt động tham quan, bao gồm :***

***Bước 1. Lập kế hoạch tham quan***

Trong kế hoạch phải thể hiện được mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian, địa điểm tổ chức, cách thức đánh giá

***Bước 2. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho chuyến đi (chuẩn bị các thủ tục hành chính, phương tiện, chuẩn bị tâm thế và giao nhiệm vụ cho học sinh...)***

***Bước 3. Thực hiện chuyến đi***

***Bước 4. Tổ chức đánh giá hoạt động. Học sinh báo cáo, chia sẻ những điều thu nhận được sau chuyến đi.***

**1.1.2.2. Trải nghiệm qua trò chơi**

Trò chơi thường là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn nhưng khi trở thành phương pháp được vận dụng vào dạy học thì nó cũng mang chức năng giáo dục. Khi ấy, mục đích của trò chơi là nhằm lôi cuốn người chơi tham gia vào các hoạt động một cách tự nhiên, tự chủ, tích cực. Việc chơi có thể vừa là nội dung lại vừa là hình thức học tập. Một trò chơi trải nghiệm đạt yêu cầu khi người chơi có những trải nghiệm nhất định về tri thức, kỹ năng, lối sống, ứng xử, hành vi...

***Phân loại:***

Một số trò chơi có thể tổ chức trong dạy học là: *trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi mô phỏng game truyền hình...*

Các trò chơi được thiết kế mô phỏng như các gameshow truyền hình như: *Chiếc nón kỳ diệu, Đường lên đỉnh Olympia, Ai là triệu phú, Trường teen,*

*Rung chuông vàng*,... Qua các trò chơi này, các em được tham gia, tương tác, và được củng cố kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

***Đặc điểm:***

***- Ưu điểm***

+ Trò chơi luôn lôi cuốn học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục một cách tự nhiên. Do đó giúp quá trình học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động, không khô khan nhàm chán.

+ Trò chơi giúp phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh: tư duy ngôn ngữ của học sinh được phát triển mạnh mẽ, các em được trải nghiệm trong các tình huống mới, các em được tranh luận, thảo luận và xây dựng chiến lược chơi trong nhóm để chiến thắng. Sự giao tiếp bằng ngôn ngữ, bằng tín hiệu, cơ thể của các em phát triển hơn nhiều lần so với ngồi trong tiết học chỉ ghi chép và nghe giảng.

+ Trò chơi giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức mới; giúp chuyển tải nhiều tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau; tạo được bầu không khí thân thiện; mặt khác còn phát huy tinh thần trách nhiệm và hình thành cho học sinh tác phong nhanh nhẹn

+ Đặc biệt đây là hình thức có sự phù hợp tốt với học sinh có xu hướng vận động. Những học sinh thường ngày lo âu, sợ sệt hoặc cảm thấy mình học yếu cũng có thể trở thành nhân tố tích cực tham gia trò chơi theo kinh nghiệm và năng lực của bản thân

***- Hạn chế:***

+ Khó củng cố kiến thức, kỹ năng một cách có hệ thống.

+ Học sinh dễ sa đà vào việc chơi mà ít chú ý đến tính chất học tập của các trò chơi

+ Gây ồn ào, có thể ảnh hưởng đến các lớp học xung quanh

***Yêu cầu:***

- Mục đích của trò chơi phải thể hiện mục tiêu của bài học hoặc một phần của chương trình.

- Hình thức chơi đa dạng giúp học sinh được thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, phối hợp các hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động.

- Luật chơi đơn giản để học sinh dễ nhớ, dễ thực hiện. Cần đưa ra các cách chơi có nhiều học sinh tham gia để tăng cường kỹ năng học tập hợp tác.

- Các dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ làm hoặc dễ tìm kiếm tại chỗ

- Chọn quản trò chơi có năng lực phù hợp với yêu cầu của trò chơi.

- Tổ chức chơi vào thời gian thích hợp của bài học để vừa làm cho học sinh hứng thú học tập vừa hướng cho học sinh tiếp tục tập trung các nội dung khác của bài học một cách có hiệu quả.

- Phần thưởng cho nhóm/ người chiến thắng không nhất thiết phải là vật chất hoặc điểm thưởng vào điểm học mà để học sinh tự thể hiện giá trị bản thân, khẳng định mình với các bạn

### ***Cách thức tiến hành***

#### ***Bước 1: Chuẩn bị***

- *Chọn hình thức trò chơi:* Căn cứ mục tiêu giáo dục, nội dung mà học sinh cần lĩnh hội, từ đó lựa chọn hình thức chơi phù hợp để truyền đạt nội dung.

- *Thiết kế trò chơi:*

+ Lựa chọn phương tiện và địa điểm chơi

+ Xây dựng luật chơi

+ Chuẩn bị phương tiện chơi (bộ câu hỏi, giấy khổ lớn, bút dạ, bút màu, quân bài, cờ...)

+ Xác định số lượng học sinh tham gia: Có thể là một lớp hoặc nhóm: nhóm nhỏ (từ 2 đến 3 học sinh) hoặc nhóm lớn (từ 10 đến 15 học sinh)

- Các giải thưởng của cuộc chơi (nếu có)

#### ***Bước 2: Tổ chức chơi theo kế hoạch***

- Giáo viên giới thiệu tên, mục đích của trò chơi.

- Tổ chức người tham gia trò chơi: Số người tham gia, số đội tham gia (mấy đội chơi), quản trò, trọng tài.

- Phổ biến luật chơi, cách chơi:

+ Phổ biến từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm...

+ Phổ biến cách xác nhận kết quả và cách tính điểm chơi, các giải của cuộc chơi (nếu có)

- Thực hiện trò chơi: Giáo viên ra hiệu lệnh trò chơi chính thức bắt đầu. Tuỳ theo trò chơi, giáo viên nên chọn vị trí đứng phù hợp để dễ dàng quán sát quá trình chơi của học sinh và điều chỉnh khi cần thiết. Trong trường hợp bắt lỗi người chơi, giáo viên phải thể hiện sự khách quan, chính xác, dứt khoát, công bằng. Giáo viên cũng thường xuyên khích lệ khuấy động tâm lý hứng khởi, tích cực ở người chơi.

### ***Bước 3: Tổng kết hoạt động, rút ra nhận xét về nội dung trải nghiệm***

- Giáo viên cùng trọng tài là học sinh nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

+ Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.

+ Một số học sinh nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

#### ***Tiêu chí đánh giá***

- Tinh thần thái độ tham gia trò chơi:

+ Mức độ nhiệt tình, hăng hái, tích cực,

+ Mức độ hợp tác, chia sẻ ý kiến

+ Mức độ linh hoạt, sáng tạo, đưa ra các ý tưởng ý kiến có giá trị

+ Tinh thần fair play

- Tuân thủ đúng luật chơi: quy cách chơi, thời gian...

- Thành tích trong cuộc chơi: dựa theo tiêu chí đã thống nhất để đánh giá

### **1.1.2.3. Trải nghiệm qua việc tổ chức hội thi/cuộc thi**

Hội thi/cuộc thi là một trong những hoạt động học tập hấp dẫn, lôi cuốn học sinh. Sự thi đua trong học tập giữa cá nhân với cá nhân, các nhóm với các nhóm là bản chất của hình thức này. Nó đã và đang được hiện hữu trong quá trình dạy học hiện nay, chẳng hạn như sau mỗi bài học, giáo viên có thể tổ

chức một số hoạt động như: thi giải ô chữ, thi tìm ra đáp án nhanh nhất...nhằm củng cố kiến thức cho học sinh.

Mục đích của việc tổ chức hội thi, cuộc thi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động học tập; đáp ứng được như câu về vui chơi giải trí; thu hút tài năng và sự sáng tạo của học sinh; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của học sinh, góp phần bồi dưỡng cho các em các năng lực chung như năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Khi tổ chức hội thi, cuộc thi giáo viên cần kết hợp với các hình thức khác (văn nghệ, trò chơi) làm phong phú, đa dạng, hiệu quả hoạt động, góp phần thu hút sự tham gia tích cực của học sinh.

*Các bước tổ chức hội thi/cuộc thi bao gồm:*

*Bước 1.* Xác định chủ đề, mục tiêu, chọn tên cuộc thi: Cần dự kiến kết quả của hoạt động trải nghiệm này bằng cách xác định rõ mục tiêu của hội thi/cuộc thi đảm bảo phải thiết thực, bổ ích, khả thi, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Tên cuộc thi cần ngắn gọn, rõ ràng, ấn tượng

*Bước 2.* Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị thực hiện hội thi/ cuộc thi: Trong kế hoạch phải thể hiện đầy đủ các mục: đối tượng, nội dung, hình thức, thể lệ, thời gian, cơ cấu giải thưởng, tổ chức thực hiện

*Bước 3.* Tổ chức hội thi/cuộc thi: Nêu rõ các hoạt động

*Bước 4.* Đánh giá cuộc thi/ hội thi

#### **1.1.2.4. Trải nghiệm qua hình thức thuyết trình/hùng biện**

Tổ chức cho học sinh thuyết trình là một hoạt động trải nghiệm, trong đó giáo viên giao cho học sinh (hoặc một nhóm học sinh) một chủ đề thuyết trình, sau đó hướng dẫn học sinh đọc tài liệu, tìm hiểu thực tế và thuyết trình về vấn đề đã đọc, đã tìm hiểu.

Ở hình thức này, học sinh chủ động nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề được giáo viên phân công và trình bày những gì mà mình đã được tìm hiểu; chủ động lựa chọn những phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình của mình, tận dụng những trang thiết bị hiện đại sẵn có hoặc tự tạo nên các phương tiện

hỗ trợ; học sinh trình bày bài thuyết trình đóng vai trò “người dạy” bên cạnh vai trò người học.

Trong quá trình thuyết trình, người học có cơ hội bộc lộ quan điểm, lắng nghe quan điểm của bạn, tranh luận. Qua dạy học theo hình thức này, học sinh có sự hợp tác, hỗ trợ, phân công việc cho nhau trước, trong và sau khi thuyết trình; có cơ hội thể hiện và phát triển nhiều nhóm năng lực đa dạng như lập kế hoạch, tự học, tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu, hợp tác, giao tiếp, lắng nghe, giải quyết vấn đề, ứng xử tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

*Các bước để tổ chức cho học sinh thuyết trình có thể dựa theo trình tự sau:*

*Bước 1. Lập kế hoạch tổ chức và chuẩn bị cho thuyết trình.*

Ở bước này, giáo viên tìm các nội dung có thể tổ chức cho học sinh thuyết trình. Lưu ý các chủ đề thuyết trình phải mang tính hấp dẫn, gắn liền với thực tế và phục vụ trực tiếp cho chương trình học; phải tìm các nguồn thông tin có giá trị có thể giới thiệu cho học sinh và định hướng cấu trúc nội dung bài thuyết trình; lên kế hoạch tổ chức và chuẩn bị phương tiện hỗ trợ như máy chiếu (nếu cần); thiết kế các phiếu đánh giá bài thuyết trình.

*Bước 2. Giao nhiệm vụ cho học sinh (nhóm học sinh), công bố tiêu chí đánh giá, hướng dẫn thực hiện.*

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh và hướng dẫn những việc cần chuẩn bị, phổ biến quy định thuyết trình và tiêu chí đánh giá để học sinh biết; dành thời gian cho học sinh thực hiện (thường ít nhất 1 tuần chuẩn bị);

Hướng dẫn cho học sinh những nguồn tài liệu đáng tin cậy liên quan đến chủ đề thuyết trình; hướng dẫn hoặc định hướng việc lập kế hoạch cho một bài học thuyết trình, gợi ý cấu trúc bài thuyết trình để các em chuẩn bị.

*Bước 3. Tổ chức thuyết trình, hỏi đáp, đánh giá.*

Mời đại diện các nhóm thuyết trình, nhắc nhở về thời gian và quy định khác.

Mời các nhóm khác nêu câu hỏi, trao đổi, tranh luận với nhóm thuyết trình (GV cần có những câu hỏi hỗ trợ nhằm khai thác thêm những vấn đề cần thiết, góp phần đi đúng hướng buổi thảo luận).

Khuyến khích, kiểm soát sự tham gia của tất cả học sinh bằng một số biện pháp: cử đại diện nhóm thuyết trình và các thành viên còn lại bổ sung; gọi ngẫu nhiên; mỗi thành viên trình bày một phần.

**Hùng biện** là khả năng thuyết phục người khác bằng lập luận logic, bằng chứng xác thực và kỹ năng trình bày. Hùng biện là một kỹ năng quan trọng trong nhiều lĩnh vực như chính trị, luật, giáo dục, kinh doanh và đời sống hàng ngày.

Hùng biện giúp bảo vệ quan điểm của mình, thuyết phục người khác đồng ý với mình. Hùng biện cũng đòi hỏi cần phải lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, phải có tư duy phản biện và sáng tạo. Hùng biện không phải là cãi nhau hay tranh luận vô lý, mà là một hoạt động trí tuệ cao độ. Hùng biện giúp người nghe hiểu rõ hơn vấn đề, phân biệt sự thật và sai lầm, đánh giá các lập luận khách quan và có quyết định hợp lý.

Hùng biện hiệu quả bao gồm các yếu tố sau:

– Mục tiêu: Hùng biện phải xác định rõ mục tiêu của mình là thuyết phục, giải thích, truyền cảm hứng hay kết hợp các mục tiêu khác nhau. Mục tiêu sẽ giúp hùng biện lựa chọn phương pháp, nội dung và ngôn ngữ phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh.

– Đối tượng: Phải nghiên cứu kỹ về đối tượng mà mình muốn giao tiếp, bao gồm nhu cầu, mong muốn, quan điểm, kiến thức và tình cảm của họ. Đối tượng sẽ ảnh hưởng đến cách hùng biện xây dựng lập luận, sử dụng bằng chứng và tạo dựng niềm tin.

– Nội dung: Phải chọn lựa nội dung có liên quan, có tính thuyết phục và có giá trị cho đối tượng. Nội dung phải được tổ chức rõ ràng, logic và có sự liên kết giữa các ý chính. Nên tránh những sai lầm logic, những thông tin sai lệch hay những lời nói quá đáng.



– Ngôn ngữ: Hùng biện phải sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng và dễ hiểu cho đối tượng. Ngôn ngữ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và hoàn cảnh của hùng biện. Sử dụng những phương tiện ngôn ngữ như ẩn dụ, ví dụ, so sánh hay trích dẫn để làm sinh động và hấp dẫn bài nói.

– Giọng điệu: Điều chỉnh giọng điệu của mình sao cho thể hiện được sự tự tin, chân thành và tôn trọng đối với đối tượng. Giọng điệu cũng phải thể hiện được sự quan tâm, nhiệt huyết và cam kết với nội dung mà hùng biện đưa ra. Nên tránh những giọng điệu quá cứng nhắc, quá xúc động hay quá khiêm nhường.

Hùng biện và thuyết trình là hai kỹ năng quan trọng trong giao tiếp, nhưng chúng có những đặc điểm và mục tiêu khác nhau. Hùng biện là kỹ năng thuyết phục người nghe chấp nhận quan điểm, lập luận hoặc hành động của người nói. Thuyết trình là kỹ năng truyền đạt thông tin, kiến thức hoặc ý tưởng một cách rõ ràng, súc tích và hấp dẫn.

#### **1.2.2.5. Trải nghiệm qua hình thức đóng vai**

Đóng vai là phương pháp giáo dục giúp học sinh thực hành những cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em; từ đó giúp các em suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một tình huống cụ thể. Lúc này tùy vào hoàn cảnh tình huống dạy học mà học sinh tự xây dựng và đóng vai để thể hiện nội dung cần đạt.

Học thông qua đóng vai giúp học sinh có cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong môi trường giả định an toàn, qua đó các em học được cách ứng xử trải nghiệm những cảm xúc khác nhau. Trí tưởng tượng, sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề phát triển nhờ những tình huống cần sự ứng biến phù hợp, kịp thời. Kỹ năng giao tiếp cũng được hình thành và phát triển từ sự tham gia vào các lời thoại của nhân vật. Học sinh được khám phá, tương tác, tham gia vào văn bản; kiểm soát cảm xúc của bản thân khi trình diễn; tăng sự hiểu biết xã hội và khả năng hợp tác với các thành

viên trong nhóm, với các “bạn diễn”; học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo; phát triển trí thông minh cảm xúc. Đây chính là môi trường tốt để phát triển các kỹ năng, hành vi, thái độ, tổ chức, phẩm chất... của người học từ đó hình thành những kinh nghiệm và thử nghiệm những cách thức giải quyết vấn đề khác nhau trong đời sống thực tiễn.

*Phương pháp đóng vai được tiến hành theo các bước:*

*Bước 1:* Giáo viên chia nhóm và nêu tình huống đóng vai (phù hợp với chủ đề hoạt động; là tình huống mở, phù hợp với trình độ của học sinh); phổ biến các quy định về thời gian các hoạt động cụ thể.

*Bước 2:* Các nhóm thảo luận và chuẩn bị vai diễn (có thể chuẩn bị trước khi tiến hành hoạt động, học sinh có thể xây dựng tình huống kịch bản sinh động, hấp dẫn; kết thúc đóng vai có tính mở để mọi người cùng thảo luận).

*Bước 3:* Học sinh đóng vai .

*Bước 4:* Trao đổi, thảo luận sau khi đóng vai (Giáo viên dẫn dắt hoạt động đưa ra các câu hỏi liên quan tới vấn đề thảo luận).

*Bước 5:* Giáo viên nhận xét, thống nhất các ý kiến sau khi thảo luận và kết luận về hoạt động.

Để đánh giá cả quá trình học tập dưới hình thức đóng vai của học sinh, giáo viên đề ra những tiêu chí đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan, phù hợp như sau:

- Đánh giá khả năng đóng vai của học sinh dựa trên 2 tiêu chí:
  - + Về nội dung thể hiện qua việc: gắn với nội dung bài học, sự hữu ích, sự thú vị, ngắn gọn.
  - + Về diễn xuất thể hiện qua việc: diễn xuất sống động, nhập vai, giọng nói truyền cảm, trang phục, đạo cụ phù hợp.
- Đánh giá khả năng giải quyết tình huống của học sinh (đặt và trả lời câu hỏi):
  - + Khả năng nhận biết các vấn đề và câu hỏi được đặt ra trong tình huống.
  - + Chất lượng cách giải quyết vấn đề.
  - + Kỹ năng tranh luận, lập luận để thuyết phục cho giải pháp mà mình đã

nêu.

+ Kỹ năng hợp tác với các thành viên khác.

### **1.1.3. Vai trò của hoạt động trải nghiệm**

Tổ chức cho học sinh học tập thông qua hoạt động trải nghiệm là một con đường, cách thức đổi mới phương pháp giáo dục trong nhà trường, đã được nhiều nhà khoa học trên thế giới chỉ ra vai trò to lớn của nó đối với giáo dục và dạy học. Tác giả J. Dewey và A. Balleux khẳng định chính hoạt động trải nghiệm là chất keo gắn kết nhà trường với cuộc sống. Nhà giáo dục M. Linderman thì nhấn mạnh vai trò của hoạt động trải nghiệm là hình thức đặt học sinh vào giải quyết các tình huống thực tiễn ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Sự phát triển năng lực của học sinh qua hoạt động trải nghiệm được chỉ rõ trong các nhận định của các nhà khoa học K.Lewin, D.Koillb. Theo các tác giả, thông qua hoạt động trải nghiệm, học sinh sẽ phát huy được năng lực thích nghi, năng lực sáng tạo dựa trên sự huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân cho phù hợp với bối cảnh, tình huống thực tiễn.

Theo chúng tôi, hoạt động trải nghiệm có các vai trò quan trọng đó là:

*Hoạt động trải nghiệm làm cho nội dung giáo dục không bị bó hẹp trong sách vở, mà gắn liền với thực tiễn đời sống xã hội. Đây là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hoạt động, góp phần phát triển phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống, niềm tin đúng đắn ở học sinh, hình thành những năng lực cần có của con người trong xã hội hiện đại; là con đường để phát triển toàn diện nhân cách học sinh.*

*Hoạt động trải nghiệm hướng đến hình thành những phẩm chất và năng lực cho người học.*

*Hoạt động trải nghiệm tạo được môi trường học tập tương tác trong đó có sự gắn kết giữa nhận thức với cảm xúc xã hội và hành vi của người học trong những tình huống học tập sống động. Trong quá trình trải nghiệm, học sinh có cơ hội tương tác cao với các bạn trong nhóm, trong lớp học. Các em*

sẽ suy nghĩ, trao đổi về các kiến thức đã được học trước đó và rồi liên kết thực tế, tìm tòi phát triển và trình bày ý kiến cá nhân. Người học có thể học tập lẫn nhau, người này có thể học tập kinh nghiệm của người khác, giá trị của mỗi cá nhân đều được thể hiện và được điều chỉnh để thích ứng và điều phối với nhau, với môi trường học. Từ đó thiết lập quan hệ giữa cá nhân với nhau, giữa cá nhân với tập thể, với môi trường học và môi trường sống.

*Hoạt động trải nghiệm làm tăng tính hấp dẫn trong học tập.* Hình thức dạy học trải nghiệm là hình thức giáo dục học sinh theo hình thức dạy học thực tế, trên các vật thật có vị trí, vai trò rất quan trọng, là cầu nối giữa hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp với giáo dục học sinh ngoài lớp. Học sinh vận dụng kiến thức học được vào cuộc sống một cách linh hoạt tránh nhàm chán.

*Hoạt động trải nghiệm kích thích khả năng sáng tạo, chủ động của người học.* Hoạt động trải nghiệm khai thác được tiềm năng của học sinh bằng sự nỗ lực của chính bản thân các em, huy động tổng thể các giá trị của cá nhân từ cảm xúc đến ý thức và hành động. Phương pháp học này không áp đặt học sinh mà phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Học sinh có thể *tham gia vào tất cả các khâu của quá trình trải nghiệm*: từ thiết kế đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động. Đồng thời, học sinh *có cơ hội được bày tỏ* quan điểm; lựa chọn ý tưởng hoạt động; được khẳng định bản thân, tự đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm và của bạn bè. Từ đó hình thành và phát triển cho học sinh những giá trị sống và kỹ năng cần thiết như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng hợp tác, năng lực tổ chức quản lý... Các bài giảng gắn với thực tiễn đời sống, tăng thời gian thực hành đã giúp cho học sinh động não, trải nghiệm và giải quyết những vấn đề của cuộc sống linh hoạt, hiệu quả hơn.

*Hoạt động trải nghiệm gắn kết giữa người dạy và người học.* Dạy học bằng trải nghiệm đòi hỏi người dạy đóng vai trò là người hỗ trợ, hướng dẫn, cố vấn để giúp người học thu được kiến thức từ những kinh nghiệm thực tế,

đồng thời phải phù hợp với phong cách của người học nhằm phát huy tốt nhất khả năng, sự chủ động và sự sáng tạo ở người học.

*Đối với lưu học sinh Lào*, hoạt động trải nghiệm có vai trò củng cố, khắc sâu và bổ sung kiến thức tiếng Việt, góp phần phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Các hoạt động trải nghiệm tạo môi trường thực hành tiếng Việt rất gần với cuộc sống hàng ngày của các em. Bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được vận dụng, được rèn luyện và được nâng cao rất nhiều qua các tình huống giao tiếp mà các em được tham gia. Thông qua đó, các em thể hiện tình yêu đối với tiếng Việt, đất nước và con người Việt Nam.

## **1.2. Công tác đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư**

Sau khi quan hệ quốc tế Việt Nam – Lào được thiết lập, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những chủ trương hợp tác với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trên nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh U-đôm-xay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã được lãnh đạo hai tỉnh ký kết ngày 09 tháng 10 năm 2011, từ đó đến nay, mỗi năm Trường Đại học Hoa Lư đã tiếp nhận và đào tạo 10 lưu học sinh Lào. Tính đến tháng 9 năm 2024, có 137 em đã và đang học tập tại trường, trong đó có 10 khóa lưu học sinh Lào đã hoàn thành chương trình đào tạo, tốt nghiệp đại học và về nước Lào công tác. Sự hợp tác về giáo dục - đào tạo này là một trong những minh chứng sinh động, khẳng định tình hữu nghị truyền thống, đặc biệt của nhân dân hai nước Việt - Lào nói chung và của hai tỉnh Ninh Bình và U-đôm-xay nói riêng.

Tất cả các lưu học sinh Lào sang học tập tại trường Đại học Hoa Lư được tỉnh Ninh Bình và nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho việc sinh hoạt và học tập. Nhà trường đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng ở thuộc khu ký túc xá số 2 đảm bảo đúng theo đúng tiêu chuẩn phòng ở dành cho lưu học sinh nước ngoài. Mỗi phòng được trang bị đầy đủ các tiện nghi thiết yếu như: giường, tủ,

bàn học, bình nóng lạnh, ti vi, Internet và các đồ dùng sinh hoạt khác; hệ thống điện, nước được cung cấp đầy đủ, thường xuyên. Hiện tại, lưu học sinh Lào đã và đang học các ngành đào tạo trình độ Đại học, bao gồm: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Việt Nam học, Du lịch, Công nghệ thông tin. Một số ít em theo học ngành Sư phạm và được học chung với sinh viên Việt Nam.

Công tác đào tạo Tiếng Việt cơ sở cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư được thực hiện từ năm học 2018 – 2019, (trước đó các em học tại Trường Hữu Nghị T78 (Hà Nội)).

*Về chương trình, giáo trình:* Chương trình dạy Tiếng Việt cơ sở của trường Đại học Hoa Lư được xây dựng với 863 tiết, thực hiện trong một năm, bao gồm các học phần: *Ngữ âm Tiếng Việt, Từ loại tiếng Việt, Các kiểu câu tiếng Việt, Thực hành viết một số văn bản ứng dụng, Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề, Hội thoại cơ bản, Hội thoại nâng cao, Thực tế.* Ngoài việc cung cấp kiến thức lý thuyết, chương trình chú ý nhiều hơn đến rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học. Về giáo trình: Trường Đại học Hoa Lư sử dụng những bộ giáo trình của các cơ sở có bề dày đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài trên cả nước như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Hữu nghị T78.

*Đội ngũ là các* giảng viên bộ môn Ngữ Văn nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực chuyên môn Tiếng Việt tốt. Giảng viên luôn xác định dạy Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào là dạy cho các em biết một ngôn ngữ mới và sử dụng tiếng Việt thành thạo, đáp ứng được khung năng lực Tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Phương pháp giảng dạy của giảng viên đa dạng với nhiều phương pháp khác nhau như đọc mẫu, đàm thoại, tổ chức các trò chơi, học hát tiếng Việt, thi thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin... Chính vì vậy, không khí học tập trong giờ học Tiếng Việt thường vui vẻ, thân thiện, hứng thú. Các lưu học sinh Lào ngoan, chăm chỉ học tập, có tinh thần cầu thị cao và học tiếng Việt rất nhanh. Sau một năm học chương trình Tiếng Việt cơ sở, các em có đủ tự tin giao tiếp và học tập tốt.

So với ngoại ngữ khác thì Tiếng Việt là một trong các ngoại ngữ khó học. Do vậy, khi học Tiếng Việt, lưu học sinh Lào còn mắc nhiều lỗi như lỗi phát âm (sai phụ âm đầu, thanh điệu), lỗi từ vựng ( dùng sai nghĩa của từ, sai với sắc thái biểu cảm), lỗi diễn đạt, ngắt nghỉ chưa đúng chỗ... Nhằm khắc phục những hạn chế, những lỗi cơ bản trên đây của lưu học sinh Lào khi học tiếng Việt, nhà trường đã chỉ đạo các giảng viên quan tâm giúp đỡ các em cách sử dụng tài liệu học tập, ghi chép trên lớp, giải thích các thuật ngữ khó; chỉ đạo các khoa, bộ môn có kế hoạch phụ đạo ngoài giờ lên lớp cho các em, giúp các em cải thiện chất lượng học tập, nắm vững hơn kiến thức đã học trên lớp.

Một số giảng viên căn cứ vào thực tế giảng dạy đã điều chỉnh phương pháp dạy học và cách thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp với năng lực, trình độ kiến thức và văn hóa của lưu học sinh Lào, qua đó tạo được hứng thú học tập của các em. Đồng thời, trong quá trình học tập, những bạn bè cùng lớp, cùng khoa thường xuyên trao đổi, trò chuyện, giúp giải đáp các thắc mắc, băn khoăn... nên mối quan hệ bạn bè giữa sinh viên Lào và sinh viên Việt Nam ngày càng khăng khít, thân tình.

Bên cạnh những thuận lợi thì công tác đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư cũng gặp phải những bất cập đó là: Giảng viên trực tiếp giảng dạy Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào chủ yếu tốt nghiệp chuyên ngành Ngữ Văn chưa được học tiếng Lào, lại chưa nói được tiếng Lào nên khó khăn trong quá trình tiếp xúc ban đầu với các em. Đối với lưu học sinh, một số em còn chưa có ý thức tự giác học tập, chưa mạnh dạn hỏi giảng viên về những nội dung khó khi phát âm, khi dịch bài, khi làm bài tập... Một số em có lực học yếu khi mới sang và trong quá trình học các em chưa chăm chỉ, ham học hỏi. Khi ở ký túc xá, các em lại thường trao đổi với nhau bằng tiếng Lào nên ít nhớ từ mới, gây khó khăn khi đọc, viết tiếng Việt. Về chương trình đào tạo tiếng Việt, mặc dù được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường có kinh nghiệm nhiều năm đào tạo trên cả nước, tuy vậy để đáp ứng việc đào tạo theo khung năng lực Tiếng Việt mà Bộ giáo dục quy định đối với

lưu học sinh nước ngoài thì chương trình đào tạo Tiếng Việt cơ sở của trường Đại học Hoa Lư cũng là cần phải cập nhật, chỉnh sửa .

Với những bất cập trên đây thì việc tìm ra và vận dụng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào là việc vô cùng cần thiết trong đó hoạt động trải nghiệm đóng vai trò quan trọng.

### **1.3. Các hình thức trải nghiệm cho lưu học sinh Lào trường Đại học Hoa Lư**

#### **1.3.1. Đặc điểm văn hóa, tính cách người Lào ảnh hưởng tới quá trình học Tiếng Việt của lưu học sinh Lào**

Văn hoá và ngôn ngữ luôn có mối quan hệ gắn bó mật thiết. Điều này có nghĩa, chúng ta cần thấy được các đặc điểm về văn hóa, tính cách người Lào ảnh hưởng tới quá trình học tiếng Việt của lưu học sinh Lào để từ đó đưa ra được các hình thức trải nghiệm phù hợp.

Nước Lào còn hay được nhắc đến với tên “đất nước Triệu Voi”, là xứ sở Chămpa, người anh em của Việt Nam. Nhân dân Lào có nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp được hình thành trong lịch sử phát triển của dân tộc, một nền văn hóa có tính đặc sắc, độc đáo riêng.

Lào là đất nước của bốn mùa lễ hội. Lễ hội ở Lào hay còn được gọi là Bun, nghĩa là phước, làm Bun nghĩa là làm phước để được phước. Lễ hội cũng chia làm hai phần, phần lễ là phần nghi thức để giao cảm với thần linh và phần hội là vui chơi. Lào có tết cổ truyền Bunpimay (mừng năm mới) hay còn gọi là Tết té nước, diễn ra vào tháng Tư hằng năm. Người Lào gọi tết là vui tết chứ không gọi là ăn tết. Trong những ngày lễ hội, vui chơi là chủ yếu nhưng họ cũng chuẩn bị đồ ăn, thức uống đầy đủ hơn ngày thường.

Nhân dân các dân tộc Lào *rất thích ca múa*, đặc biệt là các làn điệu dân ca truyền thống. Không chỉ trong những ngày lễ hội, vui chơi hợp quần... người Lào còn hay ca hát trong sản xuất ngoài ruộng nương, đi hái lượm trong rừng, xuôi ngược trên các dòng sông. Dân ca Lào rất phong phú, giàu âm điệu, mang đậm bản sắc dân tộc được phổ biến rộng rãi trong nhân dân từ



nông thôn đến thành thị với nhiều loại như lăm, khắp, xống, kạp, ăn năng-xử... Mỗi loại lại mang sắc thái riêng của từng miền, từng dân tộc, từng địa phương. “Lăm” sử dụng nhiều thể loại thơ nhất được quần chúng ưa thích nhất và phổ biến trong cả nước. Văn hóa nghệ thuật độc đáo của Lào còn thể hiện trong các điệu múa phổ biến rộng rãi từ thành thị đến nông thôn. Các điệu múa của Lào thường uyển chuyển, nhịp nhàng theo nhịp trống, động tác khá tự do, mang đậm màu sắc dân tộc. Có điệu múa một người, hai người hoặc tập thể vài chục người (lăm-vông). Múa Lăm Vông là thể loại phổ biến nhất của âm nhạc Lào. Đó là điệu múa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nó không chỉ là hình thức sinh hoạt tập thể vui tươi, mà còn giáo dục thẩm mỹ cho người dân.

Người Lào thật thà, chất phác, hiền hòa, dễ mến. Tính cách ấy biểu hiện rõ trên ánh mắt, nụ cười, cử chỉ và dáng điệu của mỗi con người. Người Lào gặp nhau, người dưới chắp tay chào người trên; trẻ em chắp tay chào người lớn, họ không lớn tiếng cãi nhau. Đặc biệt họ rất quý trọng tình bạn, quý trọng chữ tín, thích vui chơi như câu nói của họ: *khôn Lào mắc muôn*. Cuộc sống của người Lào yên bình, chậm rãi, khoan thai. Đây cũng là nét đặc trưng riêng của người Lào.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy được những nét tương đồng và khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Lào, đặc biệt là những nét khác biệt đã ảnh hưởng tới quá trình phát âm tiếng Việt của lưu học sinh Lào. Cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á, Lào và Việt Nam là hai nước láng giềng có quan hệ gắn bó lâu đời. Giữa hai nước có nét tương đồng về lịch sử, địa lý, văn hoá do vậy cũng có tương đồng về ngôn ngữ trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, (cụ thể: âm tiết có thanh điệu, đều loại hình ngôn ngữ đơn lập, từ không biến đổi hình thái). Điểm khác biệt, đó là tiếng Lào ít thanh điệu hơn tiếng Việt (5 thanh điệu), cú pháp cấu tạo theo cách trực tiếp trong đó từ riêng lẻ được ghép thành câu một cách linh hoạt. Chính sự khác biệt này mà trong quá trình học tiếng Việt, các em thường hay mắc lỗi về phát âm, sai thanh điệu, sai trật tự từ.

Hiểu được những nét đặc trưng về văn hoá, ngôn ngữ và tính cách của người Lào trên đây, trong quá trình dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào, giảng viên cần có phương pháp và hình thức dạy học phù hợp. Giảng viên có thể tổ chức các cuộc thi, trò chơi vui nhộn, lựa chọn các bài hát phù hợp để mở rộng vốn từ tiếng Việt cho các em. Tâm thế của giảng viên khi lên lớp cần nhẹ nhàng, tâm huyết và kiên nhẫn, từng bước giúp các em khắc phục rào cản ngôn ngữ, văn hoá để học tập tốt.

### **1.3.2. Các hình thức trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào trường Đại học Hoa Lư**

Quá trình giảng dạy Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào nhất thiết cần phải có nhiều hình thức trải nghiệm phong phú, bổ ích nhằm tạo được sự say mê hứng thú đối với các em đồng thời rèn cho các em các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết, nâng cao được năng lực sử dụng tiếng Việt. Trong đề tài này, chúng tôi trình bày một số hình thức trải nghiệm đã được vận dụng trong dạy học Tiếng Việt như sau:

#### **1.3.2.1. Học Tiếng Việt qua hoạt động tham quan, khám phá thực tế**

Tham quan, thực tế là hình thức trải nghiệm đảm bảo phương châm “ học đi đôi với hành” và kết nối đời sống một cách hiệu quả. Việc được mở rộng không gian học tập đến các vùng đất, chiêm ngưỡng thắng cảnh của đất nước, tìm hiểu kiến thức ở môi trường ngoài lớp học là hình thức hoạt động mà lưu học sinh nước ngoài nói chung và lưu học sinh Lào đặc biệt hào hứng. Trong chương trình Tiếng Việt cơ sở của trường Đại học Hoa Lư, các em được học các môn *Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề, Thực tế chuyên môn* có nhiều nội dung, chủ đề gắn với đất nước và con người Việt Nam như *Tham quan du lịch, Di tích lịch sử, danh thắng Việt Nam, Di tích lịch sử, danh thắng Ninh Bình, Địa lý, kinh tế, văn hoá, xã hội Ninh Bình ...*Sau khi học xong các chủ đề ở trên lớp, giảng viên tổ chức cho các em đi thực tế. Để hoạt động này hiệu quả, giảng viên phải có sự chuẩn bị tốt: xây dựng kế hoạch cụ thể, lựa chọn địa điểm là những địa danh di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các điểm du lịch văn hóa tiêu biểu tại Ninh Bình như: Tràng An –

Bái Đính; khu danh thắng Tam Cốc – Bích Động, phố cổ Hoa Lư, khu di tích cổ đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm... Giảng viên giao nhiệm vụ cho các em tìm hiểu các thông tin về địa điểm tham quan, thực tế trước khi tham gia trải nghiệm, trong quá trình trải nghiệm biết quan sát, lắng nghe, ghi chép. Có những nơi khi được trải nghiệm trực tiếp, lưu học sinh Lào rất xúc động, đó là đền thờ Công chúa Nhôi Hoa (xã Sơn Lai, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình). Ngôi đền được lập từ thế kỷ XV để ghi nhớ công đức của công chúa Nhôi Hoa nước Lào đã đem voi sang giúp Đại Việt đánh giặc, đó là một biểu tượng văn hoá đẹp của tình hữu nghị Việt – Lào sắt son, chung thủy suốt chiều dài lịch sử... Sau những chuyến trải nghiệm, các em viết bài thu hoạch để thuyết trình trước lớp về các địa chỉ văn hóa và có thêm hiểu biết về những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống, về đất nước và con người Việt Nam.

### **1.3.2.2. Học tiếng Việt qua các trò chơi, bài hát**

Nhằm giúp lưu học sinh Lào cảm thấy thoải mái khi tiếp thu và nhớ bài học lâu, giảng viên đã thiết kế, tổ chức các hình thức dạy học sinh động qua trò chơi. Mục đích của trò chơi là nhằm chuyển tải mục tiêu của bài học, để hình thành kiến thức, kỹ năng mới hoặc phát triển vốn từ cho các em. Giảng viên có thể tổ chức các trò chơi dân gian, nhanh tay nhanh mắt hoặc trò chơi ngôn ngữ như: Hái hoa dân chủ, giải ô chữ, đố vui, xem hình ảnh đoán nội dung... Chẳng hạn, khi học môn *Hội thoại cơ bản* hoặc *Từ loại tiếng Việt* trong chương trình tiếng Việt cơ sở, giảng viên tổ chức cho các em chơi các trò chơi “*Tìm nhanh từ cùng chủ đề*”(ví dụ, chủ đề Nghề nghiệp, chủ đề Sở thích); “*Thi tìm từ đồng nghĩa - từ trái nghĩa*”, *Thi tìm từ ghép có cùng một tiếng*”. Mục đích của những trò chơi này là mở rộng vốn từ, phát huy óc liên tưởng so sánh, rèn tác phong nhanh nhẹn, nâng cao ý thức hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau theo nhóm học tập. Giảng viên chia lớp thành 2 nhóm. Mỗi nhóm chuẩn bị giấy khổ to, bút dạ, giảng viên nêu yêu cầu, các nhóm thực hiện theo thời gian quy định. Sau đó giảng viên nhận xét, đánh giá.

Ngoài ra, để rèn kỹ năng nói và viết theo đúng mẫu câu cho lưu học sinh Lào, sau mỗi bài học của môn *Các kiểu câu tiếng Việt*, giảng viên tổ chức

trò chơi *Thi đặt câu theo mẫu*. Qua trò chơi, các em hiểu hơn về kỹ năng đặt câu (*câu đơn, câu ghép, câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán...*) đồng thời giảng viên cũng phát hiện được những thiếu sót của các em để sửa lỗi kịp thời.

Bên cạnh việc tổ chức trò chơi, trong quá trình dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào, giảng viên còn dạy các em hát các bài hát tiếng Việt. Người Lào nói chung, lưu học sinh Lào nói riêng rất yêu thích ca hát, thích vui vẻ do vậy giảng viên có thể sử dụng các bài hát tiếng Việt như *Hoa Champa (lời Việt), Việt Nam quê hương tôi; Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng...* Hầu hết các em đều say mê, hứng thú và thể hiện những ca từ, giai điệu tiếng Việt một cách tốt nhất. Qua các tiết học này, khả năng nghe, nói của các em được cải thiện rất nhiều. Nhiều từ ngữ trong các bài hát được các em ghi nhớ và thực hành giao tiếp tốt.

### **1.3.2.3. Học Tiếng Việt thông qua những sinh hoạt tập thể**

Học tiếng Việt trực tiếp từ thực tiễn, từ những sinh hoạt tập thể hàng ngày là hình thức trải nghiệm vô cùng hiệu quả đối với lưu học sinh Lào. Từ các chủ đề đã được học trên lớp, (ví dụ, *chủ đề thăm hỏi, chủ đề sức khoẻ, chủ đề mua sắm, chủ đề lễ hội...*), lưu học sinh được thực hành giao tiếp trong cảnh huống cụ thể như: đến thăm bạn sinh viên Việt Nam bị ốm, đi mua sắm cùng các sinh viên Việt Nam, tham gia các sự kiện, các ngày lễ lớn... Để hoạt động này thực sự hiệu quả, giảng viên cần cung cấp và chuẩn hoá cho lưu học sinh Lào hệ thống vốn từ và các mẫu câu cần thiết cho các em thực hiện các hội thoại đơn giản trên lớp. Khi đã thực sự nhuần nhuyễn, giảng viên có thể tổ chức cho các em trải nghiệm thực tế. Chẳng hạn, chủ đề “*Mua sắm*”, giảng viên cần hướng dẫn các em về hệ thống vốn từ và mẫu câu gắn với chủ đề, thảo luận về mục tiêu buổi trải nghiệm (thực hành quan sát và mua sắm), đưa ra những yêu cầu của buổi trải nghiệm (thời gian, phương tiện, an toàn cho chuyến đi), địa điểm mua sắm tại các khu chợ nhỏ, siêu thị, cửa hàng... Để hoạt động này không quá ngỡ ngàng, giảng viên cần tách nhóm, mỗi nhóm vừa có lưu học sinh Lào, vừa có sinh viên Việt Nam.

Bên cạnh đó, các sự kiện lớn chào mừng các ngày lễ lớn như *Tết cổ truyền, ngày Nhà giáo Việt Nam, hoạt động Chào tân sinh viên, tuyên truyền tuyển sinh...* giảng viên cần cho lưu học sinh Lào tham dự trực tiếp các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao để giao tiếp và học hỏi. Chẳng hạn, khi học chủ đề “*Tết – Lễ hội*”, giảng viên tổ chức cho các em tham dự ngày Tết cổ truyền Việt Nam để hiểu văn hóa Việt Nam đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về một chủ đề.

#### **1.3.2.4. Học tiếng Việt qua việc tổ chức các cuộc thi, hội thi**

Cuộc thi, hội thi là hoạt động học tập mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hay tập thể lớp. Khi tham gia cuộc thi, hội thi người học có động lực tích cực để phấn đấu đạt được mục tiêu học tập thông qua việc tìm ra cá nhân, tập thể chiến thắng. Cuộc thi, hội thi đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, bồi dưỡng cho lưu học sinh Lào năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực sáng tạo.

Lưu học sinh Lào có thể trải nghiệm các cuộc thi, hội thi dưới các hình thức khác nhau. Sau khi các em học xong môn học *Từ loại tiếng Việt* và *Các kiểu câu Tiếng Việt*, giảng viên có thể tổ chức cuộc thi *Rung chuông vàng*. Mục đích của cuộc thi nhằm củng cố, khắc sâu, nâng cao kiến thức từ vựng và câu Tiếng Việt, các em luyện tập phản ứng nhanh khi trả lời câu hỏi đồng thời kích lệ tinh thần thi đua, hào hứng học tập. Giảng viên chia nhóm, xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm, chuẩn bị bảng, phấn, khăn lau bảng, phần thưởng. Khi chơi, giảng viên sẽ là người dẫn chương trình đọc câu hỏi, các em thực hiện theo hiệu lệnh. Lần lượt, đến câu hỏi cuối cùng, em nào làm đúng sẽ được rung chuông vàng.

Với môn học *Luyện, nói, viết theo chủ đề*, giảng viên tổ chức cuộc thi hùng biện tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Giảng viên lựa chọn chủ đề mở *Ninh Bình – Tuyệt sắc miền cố đô*, các em tự do lựa chọn một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử của tỉnh Ninh Bình để thể hiện phần thi hùng biện của mình. Thời gian mỗi bài thi là 7 phút. Cuộc thi là sân chơi để các em

rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực tiếng Việt và sự hiểu biết sâu sắc về đất và người Ninh Bình.

Ngoài các hình thức trải nghiệm cơ bản trên đây, trong quá trình dạy tiếng Việt, với mục đích giúp lưu học sinh Lào nâng cao năng lực Tiếng Việt, giảng viên cần thành lập Câu lạc bộ tiếng Việt. Câu lạc bộ này bao gồm cả sinh viên Việt Nam và các em lưu học sinh Lào tham gia. Nội dung câu lạc bộ gồm hát, múa, trao đổi kinh nghiệm học Tiếng Việt...Được tự đặt mình trong những tình huống giao tiếp nhất định nên các em phải nỗ lực, từ đó khả năng giao tiếp của các em tiến bộ rất nhanh. Giảng viên cũng có thể sử dụng hình thức *đặt tên tiếng Việt* cho lưu học sinh Lào trên cơ sở phát âm gần giống nhau hoặc về nghĩa, mỗi tên gắn với một hình ảnh, khái niệm, biểu tượng mà các em yêu thích, chẳng hạn: em Lantana (Lan), Noui Vilayhong (Hồng)...Hoặc khi học phần Phát âm, có thể cho lưu học sinh *trải nghiệm với giờ học tiếng Việt của học sinh Tiểu học ở Việt Nam*, điều này thoát đầu có vẻ khập khiễng tuy vậy lại có nhiều nét tương đồng giữa hai đối tượng này bởi đều hướng vào luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Giáo viên chia các em theo nhóm nhỏ, tham dự trực tiếp các giờ học gắn với chủ đề học tiếng Việt ở Tiểu học.

### **Tiểu kết chương 1**

Tóm lại, trải nghiệm chính là hình thức dạy học mà học sinh được tham gia vào các tình huống lý thuyết và thực hành, từ đó tích lũy thêm những kinh nghiệm trong thực tiễn để hình thành và phát triển năng lực. Trên cơ sở các hình thức hoạt động trải nghiệm nói chung, trong chương 1, chúng tôi đã trình bày việc vận dụng các hình thức trải nghiệm phù hợp nhất đối với lưu học sinh Lào với mục đích đưa các em vào môi trường thực tiễn để các em rèn luyện và nâng cao năng lực Tiếng Việt.

## Chương 2

# THIẾT KẾ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO LƯU HỌC SINH LÀO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

### 2.1. Định hướng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm

Sau đây là gợi ý có tính chất chung nhất, mang tính định hướng, khi thiết kế hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần đảm bảo các bước:

#### **Bước 1: Đặt tên cho hoạt động**

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động.

Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng khởi và tích cực của học sinh. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên hoạt động sao cho phù hợp và hấp dẫn.

Việc đặt tên cho hoạt động cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.
- Phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động.
- Tạo được ấn tượng ban đầu cho học sinh

#### **Bước 2: Xác định mục tiêu của hoạt động**

Các mục tiêu hoạt động cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về tri thức, kỹ năng, thái độ và định hướng giá trị.

- **Kiến thức:** Sau khi tham gia hoạt động, học sinh có thể đạt được kiến thức ở mức độ nào?

- **Kỹ năng:** Nêu rõ những kỹ năng có thể được hình thành ở học sinh và các mức độ của nó đạt được sau khi tham gia hoạt động.

Chẳng hạn:

- + Làm theo hành động (hoạt động) đã được quan sát (hoặc chỉ dẫn)
- + Thực hiện nhuần nhuyễn, thành thạo hành động (hoạt động) đã được chỉ dẫn

+ Vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong học tập và cuộc sống.

+ Đặc biệt cần chỉ rõ học sinh sẽ được trải nghiệm và sáng tạo ra cái gì...

- **Thái độ:** Nêu rõ tinh thần thái độ của học sinh trong và sau hoạt động.

+ Có sự chủ động trong việc liên hệ, vận dụng kiến thức của môn học vào hoạt động học tập và cuộc sống.

+ Tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và thực hành rèn luyện bản thân

+ Có ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện xây dựng, phát triển các giá trị cá nhân phù hợp với bối cảnh xã hội.

- **Năng lực:** Những năng lực mà học sinh có thể được hình thành qua quá trình trải nghiệm bao gồm cả năng lực chung (năng lực tự chủ như lập kế hoạch, năng lực tự học như tự tìm hiểu nội dung học tập ngoài thực tế hoặc trên báo chí, truyền hình, internet, trên các phương tiện, năng lực giao tiếp...) và năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ..)

### **Bước 3: Công tác chuẩn bị**

Cần tìm các nguồn lực (nhân lực – vật lực – tài liệu) và thời gian, không gian... cần cho việc hoàn thành các mục tiêu.

### **Bước 4: Cách tiến hành hoạt động**

Giáo viên tổ chức các hoạt động để học sinh tự trải nghiệm theo nhiệm vụ được giao, với mục tiêu giúp học sinh hình thành và phát triển được các năng lực cần thiết.

### **Bước 5: Tổng kết, đánh giá:**

Trên cơ sở mục tiêu đặt ra, giáo viên nhận xét về tinh thần, thái độ của học sinh, những vấn đề cần rút kinh nghiệm, cùng học sinh đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực mà học sinh thu được.

## **2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học học phần Hội thoại**

Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, hội thoại là hoạt động giao tiếp phổ biến nhất, căn bản và thường xuyên nhất của con người. Ở Việt Nam, các nhà Việt ngữ học như Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Thiện Giáp, Nguyễn



Văn Hiệp, Đỗ Hữu Châu... đã có những nghiên cứu cơ bản về lý thuyết hội thoại. Nói như tác giả Đỗ Hữu Châu: “ Hội thoại là mảnh đất sống của ngôn ngữ và là một môi trường hoạt động của con người, một biểu hiện của cái gọi là xã hội loài người” [4, tr.358]. Còn theo tác giả Đỗ Thị Kim Liên, hội thoại là một trong những hoạt động ngôn ngữ thành lời giữa hai hay nhiều nhân vật trực tiếp, trong một ngữ cảnh nhất định mà giữa họ có sự tương tác qua lại về hành vi ngôn ngữ hay hành vi nhận thức nhằm đi đến một đích nhất định. Như vậy, có nhiều cách hiểu khác nhau về hội thoại nhưng tựu chung lại về nội hàm khái niệm các tác giả đưa ra đều giống nhau ở chỗ cho rằng, *hội thoại là hoạt động giao tiếp bằng lời, giữa những người tham gia giao tiếp, trong một ngữ cảnh nhất định, nhằm một mục đích nào đó.*

Phương pháp được sử dụng trong dạy hội thoại giáo viên có thể sử dụng phương pháp đóng vai. Đóng vai là phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện những tình huống dạy học mô phỏng (theo các vai) về một chủ đề gắn với thực tiễn, thường mang tính chất trò chơi, trong đó các tình huống được thực hiện. Đóng vai nhằm phát triển năng lực hành động thông qua sự trải nghiệm của chính bản thân người học

Dạy hội thoại cho lưu học sinh Lào trước hết là rèn cho các em kỹ năng nghe nói, trong đó chú trọng năng lực nghe hiểu, năng lực nói liền mạch theo đề tài, chủ đề nhất định và đạt được mục đích giao tiếp.

Chương trình tiếng Việt cơ sở dạy cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Hoa Lư, học phần Hội thoại được dành số tiết khá nhiều, bao gồm 2 học phần là Hội thoại cơ bản (180 tiết) và Hội thoại nâng cao (90 tiết). Học phần *Hội thoại cơ bản* tiếp nối học phần *Phát âm*, thông qua các bài hội thoại, các bài đọc, bài viết để trang bị cho lưu học sinh Lào vốn từ với số lượng ngày càng tăng, liên quan đến 18 chủ đề khác nhau trong cuộc sống hàng ngày như: *thời tiết, mua sắm, thể thao, sức khỏe, tham quan, du lịch, danh lam, thắng cảnh, lễ hội đất nước và con người Việt Nam...* Đặc biệt, học phần này bắt đầu cung cấp các hiện tượng ngữ pháp ngoài việc mở rộng hiểu biết cho

lưu học sinh Lào về các chủ đề nói trên còn hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Học phần *Hội thoại nâng cao* tiếp tục trang bị cho các em vốn từ, kiểu câu về 17 chủ đề khác nhau như: *báo chí, nghệ thuật, nấu nướng, phụ nữ, giáo dục, lao động và việc làm, thiên tai và môi trường, kinh tế, khoa học...* So với các chủ đề của phần Hội thoại cơ bản, các chủ đề của học phần Hội thoại nâng cao cụ thể chi tiết hơn. Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu một số thành ngữ, từ ngữ thông tục, cách sử dụng một số tiêu từ tình thái, rèn luyện nâng cao hơn nữa kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Dựa trên nguyên tắc, cấu trúc hội thoại và phương pháp trong dạy hội thoại, trong học phần này chúng tôi thiết kế cho lưu học sinh Lào được trải nghiệm trên lớp bằng việc tổ chức cho các em *xây dựng các tình huống hội thoại* (tình huống giao tiếp giả định) gắn với chủ đề bằng *phương pháp đóng vai*. Với rất nhiều chủ đề hội thoại (như đã nói ở trên) để lưu học sinh đóng vai thực hành giao tiếp, ở đây chúng tôi thiết kế chủ đề mang tính minh họa, các chủ đề khác làm tương tự.

## **CHỦ ĐỀ: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

### **1. Mục tiêu cần đạt**

- *Kiến thức*: Mở rộng vốn từ về chủ đề chăm sóc sức khỏe, các cấu trúc ngữ pháp liên quan.
- *Kỹ năng*: Rèn kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực nghe hiểu, năng lực nói tiếng Việt liền mạch theo chủ đề chăm sóc sức khỏe
- *Thái độ*: Lưu học sinh nhiệt tình, nghiêm túc tham gia hoạt động.

### **2. Chuẩn bị:**

Giáo viên giao nhiệm vụ cho lưu học sinh chuẩn bị trước ở nhà (tìm các từ cùng chủ đề), các dụng cụ cần thiết phục vụ cho giờ học.

### **3. Cách thức thực hiện:**

*Bước 1. Cung cấp và mở rộng vốn từ*

-Giảng viên đưa ra chủ đề, yêu cầu lưu học sinh mỗi bạn cung cấp 3 từ gắn với chủ đề chăm sóc sức khoẻ.

- Lưu học sinh thực hiện yêu cầu. Các từ thường gặp: liên quan đến bệnh thông thường: ho, sốt, ngạt mũi, đau đầu, viêm họng, đau răng, hắt xì hơi, cảm lạnh, đau bụng...; liên quan đến địa điểm khám (bệnh viện, phòng khám, phòng chờ, sơ đồ chỉ dẫn...); liên quan đến con người (bệnh nhân, bác sỹ, y tá...); liên quan đến điều trị bệnh (khám, uống thuốc, đơn thuốc, cấp nhiệt độ, đo huyết áp, nghe phổi...); liên quan đến triệu chứng(mệt mỏi, buồn ngủ, mất ngủ, khó thở...); liên quan đến giao tiếp (chào, hỏi, hỏi thăm đường..); thành ngữ, tục ngữ thường dùng: thuốc đắng già tật, sự thật mất lòng, còn nước còn tát, nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa...

### *Bước 2. Chuẩn hoá vốn từ*

Giảng viên phát âm mẫu và chuẩn hoá phát âm cho lưu học sinh Lào. Đồng thời giải thích nghĩa từ, giúp người học hiểu cách sử dụng từ trong ngữ cảnh.

### *Bước 3. Cung cấp mẫu câu*

Ngoài việc lưu học sinh Lào được cung cấp và vốn từ , muốn các em giao tiếp tốt trong ngữ cảnh cụ thể, giảng viên cần cung cấp các mẫu câu. Các mẫu câu cụ thể:

- Mẫu câu với các từ *bị, được*:  
Tôi bị đau đầu/ đau họng/ sổ mũi/sốt  
Bác sĩ ơi, tôi bị làm sao ạ?/ Chị bị cảm rồi!
- Mẫu câu: *nhớ + Động từ*  
Chị nhớ uống thuốc, mặc quần áo ấm, không nên ra ngoài trời lạnh.
- Mẫu câu với các từ *đừng, nên*  
Em bị đau dạ dày, đừng uống rượu nhiều.  
Em nên làm gì nếu tiếp tục đau như vậy?
- Mẫu câu với các liên từ: *kẻo, nếu không thì, chứ không thì*  
Em bị sốt cao, em đi bệnh viện đi, nếu không thì nguy hiểm.  
Làm việc nhiều, em cần nghỉ ngơi, kẻo bị ốm.

- Mẫu câu: bao lâu rồi/ đã lâu chưa

Bạn bị đau bụng bao lâu rồi?

Tương tự như vậy với mẫu câu: *mặc dù...nhưng, tuy ...nhưng, đã...bao giờ chưa, nếu...thì.*

#### *Bước 4. Xây dựng cảnh huống và đóng vai*

Phần việc này nên thực hiện vào giờ thực hành nhằm thay đổi không khí học tập căng thẳng. Giảng viên và lưu học sinh chuẩn bị dụng cụ, xây dựng “phòng khám” tượng trưng tại lớp học. Giảng viên thống nhất các yếu tố giao tiếp chi phối cuộc thoại ( nhân vật hội thoại, đích của hội thoại). Cảnh huống đầu tiên được xây dựng mẫu. Còn tiếp theo để cho các em thoải mái đóng vai sáng tạo và tự hoàn thiện dần qua các lần luyện tập.

#### *Bước 5. Tổng kết, nhận xét*

Giảng viên nhận xét về tinh thần, ý thức, thái độ học tập, những ưu điểm và những điều cần rút kinh nghiệm

Hoạt động trải nghiệm thông qua đóng vai trong những tình huống hội thoại sẽ giúp học sinh tự tin, mạnh dạn, hứng thú học tập. Quan trọng hơn, đây là tiền đề để lưu học sinh có thể xử lý tình huống khi ốm đau, khi đến bệnh viện, qua đó hình thành các phẩm chất, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực giải quyết vấn đề.

### **2.3. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Từ loại và các kiểu câu Tiếng Việt**

Năng lực từ vựng, năng lực về câu là những thành tố cơ bản của năng lực ngôn ngữ, đó cũng là thước đo trình độ giao tiếp của người nước ngoài. Vì vậy trong quá trình dạy và học tiếng Việt, việc cung cấp và thực hành từ vựng, rèn cách viết câu cho lưu học sinh Lào đóng vai trò quan trọng. Để nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt, giảng viên cần đa dạng hoá các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp, cho các em được trải nghiệm đặc biệt được tham gia các trò chơi học tập để củng cố kiến thức, kỹ năng đã học đồng thời tạo sự hấp dẫn, rèn luyện sự tự tin, linh hoạt của người học trong giao tiếp tiếng Việt. Ở đây chúng tôi thiết kế một số trò chơi trải nghiệm.

### **2.3.1. Trải nghiệm 1**

## **TRÒ CHƠI: RUNG CHUÔNG VÀNG**

### **1. Mục tiêu cần đạt:**

Đây là trò chơi phỏng theo trò chơi “rung chuông vàng” trên truyền hình

- Kiến thức: củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức về từ loại Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào
- Kỹ năng: Rèn phản ứng nhanh khi trả lời câu hỏi, kỹ năng hoạt động nhóm.
- Năng lực: Hình thành năng lực giao tiếp, năng lực hoạt động, năng lực sáng tạo.
- Thái độ: Lưu học sinh tham gia học tập nghiêm túc và hào hứng, thể hiện tinh thần thi đua.

### **2. Chuẩn bị**

- Giảng viên chia lớp thành các nhóm
- Giảng viên chuẩn bị bộ câu hỏi, mỗi bộ đề thi gồm 20 câu hỏi chính thức và một số câu hỏi phụ. Nếu hết bộ câu hỏi chính mà vẫn chưa phân định được ai là người chiến thắng thì sử dụng câu hỏi phụ. Em nào trụ vững đến câu hỏi cuối cùng sẽ là người được rung chuông vàng.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất (chuông vàng, bảng, phấn, khăn lau bảng, phần thưởng...)

### **3. Cách thực hiện:**

- Giảng viên là người dẫn chương trình
- Sau khi cho lưu học sinh vào vị trí, giảng viên đọc câu hỏi, các em trả lời theo hình thức trắc nghiệm. Lưu học sinh không cần ghi đầy đủ câu trả lời, chỉ cần ghi phương án mình cho là đúng nhất (A, B, C, D). Sau 10 giây, khi có hiệu lệnh, tất cả lưu học sinh phải giơ bảng, em nào trả lời đúng được ở lại. Những em trả lời sai được GV hướng dẫn ra khỏi vị trí, cứ lần lượt như vậy cho đến kết quả cuối cùng, em nào làm đúng được rung chuông vàng.

### **4. Tổng kết, đánh giá**

GV nhận xét về tinh thần, ý thức, thái độ học tập, những ưu điểm và những điều cần rút kinh nghiệm.

***Dưới đây là minh họa bộ câu hỏi Rung chuông vàng:***

Câu 1. Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả:

- A. Dạy giỗ                      B. Dạy rỗ                      C. Dạy dỗ

Câu 2. Điền vào chỗ trống: Hạt t....”

- A. Iu                      B. iêu                      C. yêu

Câu 3. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:

“ Dù ai nói ngả nói ...

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

- A. Đứng                      B. nghiêng                      C. xuôi

Câu 4. Tìm từ trái nghĩa với từ “ nhân hậu” trong các từ dưới đây;

- A. Hiền lành                      B. bao dung                      C. độc ác

Câu 5. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ hoạt động:

- A. ngắt. dạy, đau                      B. bỏ, hoa, tìm                      C. Hái, tặng, mở

Câu 6. Theo em, từ nào viết đúng chính tả:

- A. Bão tan                      B. Bảo tan                      C. Bão tang

Câu 7. Từ ngữ chỉ tình yêu thương của các anh chị em là:

- A. Chiều chuộng , yêu thương, quý mến  
B. Chị em, yêu thương, chăm sóc  
C. Tình thương, chiều chuộng, quý mến

Câu 8. Nghĩa của từ “lộng lẫy” là gì?

- A.Đẹp rực rỡ.                      B. Đẹp sáng chói                      C. Đẹp lung linh

Câu 9. Có thể thay từ gạch dưới trong câu: “ Anh ấy tiến lại gần ngôi nhà và chăm chú theo dõi” bằng từ ngữ nào?

- A. Quan sát                      B. Nhìn ngắm                      C. Trông coi

Câu 10. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “trung thực”:

- A. Trung thành                      B. ngay thẳng, thật thà                      C. giữ lời hứa                      D. đáng tin cậy

Câu 11. Tính từ trong câu: “ Đôi mắt to tròn, đen láy, lúc nào cũng hướng lên

bảng” là:

- A. Đôi mắt, to tròn                      B. to tròn, đen láy  
C. Lúc nào, lên bảng                      D. hướng lên, bảng

Câu 12. Trong những từ sau đây, 2 từ nào tiếng ‘du’ có nghĩa là “đi chơi xa để nghỉ ngơi, ngắm cảnh”?

- A. Du học, du xuân                      B. du kích, du khách  
C. du canh, du cư                      D. du ngoạn, du lịch

Câu 13. Quan hệ từ có trong câu: chúng ta hãy chia sẻ với họ những gì mình có” là;

- A. Hãy              B. chia sẻ              C. với              D. những

Câu 14. Các từ in đậm trong câu: Đọc xong lá thư, bà âu yếm nhìn tấm ảnh cậu con trai **với** vẻ mặt đầy hy vọng rồi bà cầm bút, lật mặt sau **của** tờ giấy và vẽ một trái tim nhỏ” là:

- A. Quan hệ từ              B. Danh từ              C. động từ              D. tính từ

Câu 15. Đại từ xưng hô có trong câu: “Cháu nói là muốn giúp các bạn nhỏ và chúng tôi bàn cách thực hiện” là:

- A. Cháu, các bạn nhỏ  
B. Cháu, chúng tôi  
C. Các bạn nhỏ, chúng tôi  
D. Cháu, cách thực hiện

Câu 16. Các từ chỉ đặc điểm trong câu: “ nước suối bốn mùa trong vắt, mát lạnh” là:

- A. Nước suối, bốn mùa  
B. Trong vắt, mát lạnh  
C. Nước suối, trong vắt

Câu 17. Từ nào viết sai chính tả:

- A. nóng nực                      B. Sao xuyên                      C. xịt muối

Câu 18. Trái nghĩa với “tốt” là:

- A. Chậm                      B. xấu                      C. hư

Câu 19. Những từ chỉ đặc điểm là:

- A. Ngoan, hiền, dũng cảm
- B. Ngoan, tính tình, thân thương
- C. Cao, nhanh nhẹn, vóc dáng

Câu 20. Từ ngữ nào dưới đây dùng để chỉ tình cảm của con người

- A. Buồn ngủ
- B. đi học
- C. nhớ nhà

Câu 21. Danh từ trong câu: “bác sĩ cầm lấy tay em và nói với giọng đầy cảm động” là

- A. bác sĩ, tay em, giọng
- B. Cầm lấy, nói, cảm động
- C. bèn, cầm lấy, cảm động
- D. tay em, giọng, cảm động

Câu 22. Trong câu: mẹ ơi, con làm được rồi, mẹ xem con dành được giải thưởng này. Từ *giải thưởng* là:

- A. Danh từ
- B. động từ
- C. tính từ
- D. trạng ngữ

Câu 23. Đồng nghĩa với từ “nhân hậu” là:

- A. Nhân loại
- B. nhân cách
- C. Nhân từ
- D. nhân tài

Câu 24. Quan hệ từ có trong câu: “ Cô ấy rất xinh đẹp và hát hay” là:

- A. ấy
- B. và
- C. rất
- D. hay

### ĐÁP ÁN

<b>Câu 1</b>	C	<b>Câu 13</b>	C
<b>Câu 2</b>	B	<b>Câu 14</b>	A
<b>Câu 3</b>	B	<b>Câu 15</b>	B
<b>Câu 4</b>	C	<b>Câu 16</b>	B
<b>Câu 5</b>	C	<b>Câu 17</b>	A
<b>Câu 6</b>	A	<b>Câu 18</b>	B
<b>Câu 7</b>	B	<b>Câu 19</b>	A
<b>Câu 8</b>	A	<b>Câu 20</b>	C
<b>Câu 9</b>	A	<b>Câu 21</b>	A
<b>Câu 10</b>	B	<b>Câu 22</b>	A



<b>Câu 11</b>	<b>B</b>	<b>Câu 23</b>	<b>C</b>
<b>Câu 12</b>	<b>D</b>	<b>Câu 24</b>	<b>B</b>

### 2.3.2. Trải nghiệm 2

#### TRÒ CHƠI TỐC ĐỘ

##### 1. Mục tiêu cần đạt:

- *Kiến thức*: Củng cố kiến thức về từ loại Tiếng Việt
- *Kỹ năng*: Rèn khả năng tư duy chính xác, phản xạ nhanh, kỹ năng hoạt động nhóm.
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực ngôn ngữ (nghe – nói – viết) , năng lực giải quyết vấn đề.
- *Thái độ*: Lưu học sinh tham gia hào hứng, sôi nổi.

##### 2. Chuẩn bị:

Chia lớp thành các nhóm (3-4 người/nhóm)

Các nhóm chuẩn bị bảng con, phấn trắng( hoặc những miếng bìa cứng có dán giấy A4 trên mặt)

##### 3. Cách thực hiện:

Giảng viên lần lượt đọc các từ, đọc 1 lần. Yêu cầu các nhóm cử ra 1 người viết từ đó lên bảng.

Kết thúc trò chơi, các nhóm giơ bảng. Cả lớp sẽ nhận xét từ của các nhóm viết đúng hay sai. Thư ký sẽ đếm từ viết đúng để tính điểm cho từng nhóm.

Ví dụ 1. Viết các từ sau: loảng xoảng, lưu luyến, quần quýt, chậm trễ, gập ghềnh, khua khoắng, khuya khoắt, xa xăm, phồng phao, ngốc ngếch...

Ví dụ 2. Chỉ ra dãy từ trong đó có các từ viết đúng chính tả:

- a. Chia sẽ, trau chuốt, lãng mạn, bông bênh.
- b. Chia sẻ, trau chuốt, lãng mạn, bông bênh
- c. Chia sẻ, trau chuốc, lãng mạn, bòn bênh
- d. Chia sẻ, chau chuốt, lãng mạng, bòn bênh

(đáp án b)

#### **4. Tổng kết, đánh giá**

Giảng viên nhận xét về tinh thần, ý thức, thái độ học tập, những ưu điểm và những điều cần rút kinh nghiệm.

#### **2.3.3. Trải nghiệm 3**

### **TRÒ CHƠI CHIẾC HỘP BÍ MẬT**

#### **1. Mục đích:**

- *Kiến thức*: củng cố kiến thức về từ câu Tiếng Việt, các kiểu câu phân loại theo cấu trúc ngữ pháp và câu phân loại theo mục đích nói
- *Kỹ năng*: Kỹ năng viết câu đúng, câu hay, kỹ năng làm việc nhóm, phản xạ nhanh.
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực ngôn ngữ (nghe – nói – đọc – viết) , năng lực giải quyết vấn đề.
- *Thái độ*: Lưu học sinh tham gia hào hứng, sôi nổi.

#### **2. Chuẩn bị:**

- Chia lớp thành các nhóm (3-4 người)
- Các nhóm chuẩn bị các hộp nhỏ, bên trong mỗi hộp có chứa mẫu giấy ghi yêu cầu viết câu: câu đơn, câu ghép, câu cầu khiến, câu nghi vấn...

#### **3. Cách thực hiện:**

- Giảng viên dẫn dắt cuộc chơi.
- Nhóm trưởng các nhóm lên chọn chiếc hộp bí mật cho nhóm mình. Các nhóm thảo luận 5 phút, ghi đáp án trên giấy rồi bỏ kết quả vào những chiếc hộp. Tiếp theo, nhóm trưởng của các nhóm bị bịt mắt để lựa chọn những chiếc hộp bí mật, mở hộp để lựa chọn câu hỏi và thảo luận đáp án trả lời. Giảng viên nhận xét kết quả và công bố đội thắng cuộc.

#### **4. Tổng kết, đánh giá**

Giảng viên nhận xét về tinh thần, ý thức, thái độ học tập, những ưu điểm và những điều cần rút kinh nghiệm.

#### **2.3.4. Trải nghiệm 4**

## HÁT: HOA CHĂM - PA (Lời Việt)

### 1. Mục đích:

- *Kiến thức*: Củng cố, mở rộng kiến thức về từ loại, về câu Tiếng Việt.
- *Kỹ năng*: Rèn kỹ năng nghe, hát, vận động theo nhịp .
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực ngôn ngữ (nghe – đọc – hát ), năng lực giải quyết vấn đề.
- *Thái độ*: Lưu học sinh tham gia hào hứng, sôi nổi.

### 2. Chuẩn bị:

Giảng viên chuẩn bị lời bài hát, video clip bài hát mẫu hoặc đĩa nhạc, bông hoa đại (hoa sứ trắng)

### 3. Cách thực hiện:

- Giảng viên cho lưu học sinh nghe video bài hát (1lần) để các em có ấn tượng chung về bài hát. Sau đó các em đọc lời bài hát, xác định danh từ, tính từ, đại từ trong bài.
- Giảng viên chốt, giải thích nghĩa của các từ khó, từ mới và giúp các em hiểu rõ hơn về nội dung bài hát, nhịp của bài hát.
- Giảng viên hát mẫu và tập cho cả lớp hát từng câu và cả bài. Khi lưu học sinh hát, giảng viên lắng nghe, chỉnh sửa.
- Luyện tập: Cho lưu học sinh hát cá nhân theo nhịp. Giảng viên lắng nghe, có thể hát theo để chỉnh sửa

### 4. Nhận xét, đánh giá

GV nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của giờ học trải nghiệm, khen những em hát đúng lời, đúng nhịp, chỉnh sửa những em phát âm chưa rõ.

#### **Hoa Chăm- Pa (Lời Việt)**

*1-Hoa đẹp chăm-pa đã bao tháng ngày, hoa đây người đây,  
Hoa vẫn ngọt ngào thơm ngát mùi hương tháng năm còn vương.  
Hoa chăm-pa ơi, bao mùa em khoe sắc hoa trong vườn,  
Đã bao lâu rồi mà hoa vẫn đẹp nhất trong lòng tôi,  
Hoa đẹp xinh ơi, em chính người tôi thiết tha yêu thương.*

*2- Ngát ngào hương thơm, vẫn vương trong lòng, sắc hoa đẹp mãi,  
Hương ngát làm tôi trăm nhớ ngàn thương bóng ai thâm yêu.  
Hoa chàm-pa ơi tuyệt vời toả lan mãi trong tim này,  
Cách xa phương trời mà hoa vẫn còn vẫn vương lòng tôi,  
Hoa đẹp xinh ơi, em chính người tôi mến yêu trọn đời.*

## **2.4. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề**

Môn học *Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề* là môn học mang tính tổng hợp kiến thức mà lưu học sinh Lào đã được học trước đó về từ vựng, ngữ pháp, văn bản để thực hành, rèn luyện các kỹ năng về nghe, nói, đọc, viết.

### **2.4.1. Trải nghiệm 1: Thuyết trình chủ đề bản thân**

#### **TÔI LÀ AI**

##### **1. Mục tiêu cần đạt**

- *Kiến thức*: Củng cố và mở rộng kiến thức tiếng Việt về chủ đề bản thân
- *Kỹ năng*: Rèn kỹ năng thuyết trình.
- *Năng lực*: Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực viết, nói, năng lực nghe (nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói, biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình).
- *Thái độ*: Lưu học sinh tham gia học tập nghiêm túc và hào hứng.

##### **2. Chuẩn bị:**

- Giảng viên giao nhiệm vụ: Mỗi em chuẩn bị bài giới thiệu bản thân, có thể sử dụng kết hợp phương tiện công nghệ thông tin. Thời gian mỗi người không quá 10 phút.
- Giảng viên giải thích yêu cầu cần đạt của hoạt động trải nghiệm này và sản phẩm cần nộp: Bài thuyết trình về bản thân có độ dài khoảng 200 chữ.
- Địa điểm: Lớp học
- Hướng dẫn lưu học sinh cách thực hiện

#### **PHIẾU HỌC TẬP**

(Cấu trúc bài giới thiệu bản thân)

**Phần đầu:** Chào hỏi

**Phần chính:**

- Tên tuổi
- Gia đình
- Học lớp... Trường...
- Những điểm nổi bật trong tính cách
- Sở thích, ước mơ, đam mê của bản thân
- Đã và sẽ làm gì để đạt được ước mơ, đam mê

**Phần kết thúc**

- Cảm ơn người nghe
- Có thể cho địa chỉ liên lạc
- Mọi người nghe nêu câu hỏi.

### **3. Cách thực hiện**

- Giảng viên tổ chức cho từng lưu học sinh trình bày trước lớp.
- Các em khác nêu câu hỏi và nhận xét bài giới thiệu của bạn

### **4. Tổng kết, đánh giá**

Giảng viên có thể nêu các câu hỏi để giúp lưu học sinh suy ngẫm về những điều đã trải nghiệm, chẳng hạn: Bài giới thiệu nào của bạn làm em ấn tượng nhất? Vì sao? - Em học được kỹ năng gì trong quá trình viết và trình bày giới bài giới thiệu bản thân?

Giảng viên nhận xét về tinh thần, ý thức, thái độ học tập, những ưu điểm và những điều cần rút kinh nghiệm.

## **2.4.2. Trải nghiệm 2 - Hùng biện về một danh lam thắng cảnh của Ninh Bình**

### **NINH BÌNH – TUYỆT SẮC MIỀN CỎ ĐỎ**

**(Chủ đề danh lam thắng cảnh)**

#### **1. Mục tiêu cần đạt**

- *Kiến thức:* Lưu học sinh Lào biết cách tạo lập văn bản và nói tiếng Việt theo chủ đề, củng cố vốn từ Tiếng Việt.

- *Kỹ năng*: rèn kỹ năng hùng biện tiếng Việt.
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực nói và viết Tiếng Việt, năng lực giải quyết vấn đề.
- *Thái độ*: Tạo dựng sân chơi, tăng cường tình hữu nghị Việt Nam – Lào.

## 2. Chuẩn bị

Giảng viên xây dựng kế hoạch trải nghiệm, bao gồm:

- Đối tượng tham gia: Lưu học sinh Lào tham gia cá nhân. GV động viên các em tham gia cuộc thi nhiệt tình, tạo không khí vui tươi...
  - Giảng viên giao chủ đề chung: *Ninh Bình tuyệt sắc miền cố đô*. Lưu học sinh tự chọn 1 danh lam thắng cảnh để viết bài hùng biện sau đó trình bày trước lớp.
  - Giảng viên hướng dẫn các em viết bài, giúp đỡ, chỉnh sửa bài viết sau đó hướng dẫn lưu học sinh học thuộc bài hùng biện và cách thức trình bày
  - Giảng viên xây dựng tiêu chí đánh giá. Gợi ý: Thang điểm 10
- (1) Cấu trúc (2 điểm): Cấu trúc rõ ràng, có phần đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận. Phân giải quyết vấn đề được cụ thể hóa theo từng luận điểm rõ ràng, phát triển theo trật tự logic. Sử dụng nhuần nhuyễn các cụm từ/cụm từ nối nhằm liên kết chặt chẽ bài hùng biện cả về ý tưởng và ngôn ngữ.
- (2) Nội dung (3 điểm): Nội dung thể hiện rõ mục đích, quan điểm của người trình bày; có ý nghĩa, bám sát chủ đề, nêu bật được cảm xúc, suy nghĩa của lưu học sinh Lào đối với đất nước, con người Việt Nam. Thể hiện được ý tưởng sáng tạo khi tiếp cận chủ đề hùng biện.
- (3) Năng lực ngôn ngữ (3 điểm): Năng lực ngôn ngữ nhuần nhuyễn, đảm bảo độ chính xác cao về từ vựng, ngữ pháp; thể hiện được vốn từ phong phú, đa dạng và khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp.
- (4) Năng lực trình bày (2 điểm): Thể hiện khả năng tương tác, thu hút và thuyết phục người nghe; sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp; ngữ điệu phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng ngôn ngữ trôi chảy với âm lượng và tốc độ phù hợp.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất (Lớp học), phần thưởng...

*Hình thức thi*

- Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc thi: Tiếng Việt.

- Thời gian tối đa cho mỗi bài thi hùng biện của một em là 7 phút.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Giảng viên là người dẫn chương trình

- Lưu học sinh trình bày trực tiếp bài thi hùng biện của mình; không sử dụng tài liệu đã chuẩn bị sẵn; có thể kết hợp hình thức phụ họa (trình chiếu slide)

### **4. Nhận xét, đánh giá**

Giảng viên tổ chức cho lưu học sinh đánh giá, nhận xét theo tiêu chí đã cho sau đó tổng kết, trao phần thưởng.

## **2.4.3. Trải nghiệm 3. Thuyết trình về một di tích lịch sử của tỉnh Ninh Bình**

### **ĐỀN THỜ CÔNG CHÚA NHỒI HOA**

### **BIỂU TƯỢNG TÌNH HỮU NGHỊ VIỆT – LÀO**

(Chủ đề về di tích lịch sử)

#### **1. Mục tiêu cần đạt**

- *Kiến thức:* Lưu học sinh Lào biết cách giới thiệu một di tích lịch sử, củng cố các kiến thức Tiếng Việt.

- *Kỹ năng:* kỹ năng viết bài và kỹ năng thuyết trình tiếng Việt,

- *Năng lực:* Nâng cao năng lực tạo lập văn bản, năng lực nghe và nói Tiếng Việt

- *Thái độ:* Tạo dựng sân chơi cho lưu học sinh Lào, các em hiểu rõ hơn về lịch sử của đất nước mình.

#### **2. Chuẩn bị**

- Giảng viên giao nhiệm vụ cho cá nhân lưu học sinh: Viết bài giới thiệu về đền thờ công chúa Nhồi Hoa (sau khi các em đã được đi tham quan di tích lịch sử này). Giảng viên hướng dẫn các em cách viết, có thể xây dựng tiêu chí đánh giá theo thang điểm 10 về các yêu cầu cần đạt giống như hoạt động trải nghiệm hùng biện ở trên đây.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất (lớp học), phương tiện dạy học

#### **3. Cách thực hiện**

- Giảng viên tổ chức cho lưu học sinh thuyết trình bài giới thiệu của mình.

- Lưu học sinh trình bày bài thuyết trình, có thể sử dụng kết hợp công nghệ thông tin

#### 4. Nhận xét, đánh giá

- Giảng viên đánh giá bài thuyết trình theo tiêu chí tương ứng với thang điểm đã cho (Về nội dung, cấu trúc bài thuyết trình, phong cách thuyết trình, thời gian, việc kết hợp công nghệ thông tin)
- Giảng viên nhận xét, khen thưởng.
- Giảng viên có thể cung cấp cho các em bài viết *minh họa*.

*Trong hệ thống đền chùa của Việt Nam có ngôi đền duy nhất thờ phụng một công chúa người nước ngoài. Đó là Đền Thượng Thái Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình - nơi thờ công chúa nước Lào với danh xưng Nhồi Hoa công chúa. Trải qua nhiều thế kỷ, ngôi đền được nhân dân địa phương dành nhiều tâm sức bảo tồn, trùng tu, trở thành một biểu tượng văn hóa đẹp của tình hữu nghị Việt - Lào sắt son, chung thủy trong suốt chiều dài lịch sử.*

*Đền Thượng Thái Sơn tọa lạc trên đỉnh đồi, nằm giữa vùng làng quê yên bình với núi đồi hùng vĩ. Đền nằm tiếp giáp với các ngọn núi: núi Hóc Vụng (phía Nam), núi Mỏ Phượng (phía Đông), núi Chon Gà (phía Bắc). Đền quay hướng Nam, được xây dựng vào thời Hậu Lê. Đường đi lên đền được bao quanh cây cối xanh mướt, gợi không gian tĩnh lặng, êm đềm.*

*Theo sử cũ ghi lại, dưới thời Vua Lê Thánh Tông (hiệu Hồng Đức 1460-1497), Công chúa Nhồi Hoa được vua cha giao trách nhiệm đưa sang và huấn luyện một đàn voi cho Đại Việt. Tuy nhiên, khi giao xong đàn voi, trên đường trở về không may công chúa bị lâm bệnh tại khu vực đồi Đền. Khi ấy các binh lính phải hạ trại đóng hai đồn thành dinh lũy để lo thuốc thang cho bà. Sau một thời gian được các thái y hết lòng cứu chữa nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Công chúa đã qua đời tại trại đóng trên đồi Đền.*

*Được sứ giả báo về triều đình Đại Việt, vua Lê Thánh Tông đã cho cho quân thân về làm lễ, an táng tại khu vực đồi Đền, xây khu lăng mộ và cho lập đền thờ công chúa ngay tại đó.*



*Hiện nay di tích gồm 3 tòa, tòa Trung Đường và Hậu cung còn giữ nguyên vẹn kiến trúc “Tiền đao Hậu đầu”. Kiến trúc với mái ngói lợp vẩy, cửa được làm theo lối chân quay và có then cài. Các bậc cửa được làm bằng gỗ cao hơn 30cm. Mái được nâng đỡ bởi hệ thống 4 cột cái cùng 12 cột quân, tất cả các cột được làm hoàn toàn bằng gỗ lim và được chạm khắc rất tinh xảo.*

*Ngoài ra, di tích đền Thượng Thái Sơn còn lưu giữ được ban thờ có ảnh công chúa chạm trên gỗ và nhiều đồ thờ có giá trị. Đặc biệt là 04 sắc phong triều Nguyễn, trong đó có sắc phong vào ngày 12 tháng 1 năm Tự Đức thứ 6 (1852) phong cho bà mỹ tự “Linh Quang Huyền Cảm Diễm Quyên Nhân Uyển chi thân”. Sắc phong ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924) bà được phong là Thượng đẳng thần.*

*Hàng năm, tại di tích diễn ra lễ hội truyền thống vào ngày mùng 3 tháng 3 âm lịch. Lễ hội ngoài phần rước kiệu quanh làng, tổ chức tế còn kết hợp nhiều trò chơi dân gian. Trong lễ hội đặc biệt có phần múa hát theo điệu Chăm Pa (điệu múa hát cổ truyền của nước Lào) để tưởng nhớ về công lao của công chúa Nhôi Hoa và tôn vinh truyền thống tốt đẹp hai dân tộc Việt - Lào.*

## **2.5. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Thực tế**

Tham quan, thực tế là hình thức trải nghiệm đem lại cho lưu học sinh niềm vui và hứng thú khi được hoạt động ngoài trời trong những địa điểm mới. Các em được hòa mình vào môi trường văn hóa, khám phá nét đẹp văn hóa từ đời sống, được tiếp xúc với các vật thể, địa danh, di tích, danh nhân... Trải nghiệm đó luôn đem đến cho các em những ấn tượng, làm khắc sâu phần lý thuyết được học trên lớp. Đây cũng là nội dung học phần *Thực tế chuyên môn* - môn học thực hành, hiện thực hoá các nội dung kiến thức mà lưu học sinh Lào đã được học ở các môn trước đó là môn *Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề*, *Hội thoại nâng cao* có nhiều nội dung, chủ đề gắn với đất nước và con người Việt Nam và Ninh Bình.

**THĂM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ - ĐỀN THỜ CÔNG CHÚA NHỒI HOA  
(NHO QUAN – NINH BÌNH)**

**1. Mục tiêu cần đạt**

- *Kiến thức*: Nâng cao kiến thức học phần *Tham quan, du lịch và Luyện đọc, nói, viết theo chủ đề*. Đồng thời giúp lưu học sinh Lào có thêm những hiểu biết về lịch sử, văn hoá và con người dân tộc mình.
- *Kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng quan sát, ghi chép, sưu tầm, làm việc nhóm...
- *Năng lực*: Nâng cao năng lực nghe hiểu tiếng Việt, năng lực nói và viết tiếng Việt. (lưu học sinh viết bài thuyết trình về địa điểm tham quan này).
- *Thái độ*: Lưu học sinh Lào hào hứng, nhiệt tình tham gia hoạt động.

**2. Chuẩn bị**

- Thời gian, địa điểm:

Thời gian tổ chức: 1 buổi sáng

Địa điểm: Đền Thượng Thái Sơn - Xã Sơn Lai – Nho Quan – Ninh Bình

- Giảng viên thông báo cho lưu học sinh về mục đích và nội dung của buổi tham quan, giới thiệu tổng quan về lịch trình của chuyến đi.
- Giảng viên phân công công việc cho lưu học sinh trước 1 tuần: Nghiên cứu, tìm hiểu trước các thông tin về địa điểm tham quan. Giảng viên cho các em chuẩn bị phiếu sau:

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

STT	Nội dung thông tin
Vị trí địa lý	
Lịch sử hình thành	
Cảnh quan kiến trúc	
Lễ hội văn hóa	

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết của chuyến đi, liên hệ trước với hướng dẫn viên
- Cả lớp cùng thảo luận về 1 số vấn đề trong chuyến đi:

- + Thái độ, cách giao tiếp, tiêu chuẩn ứng xử khi tới địa điểm thăm quan.
- + Các kỹ năng cần có: quan sát trực quan, lắng nghe, thu thập thông tin
- + Cách đặt câu hỏi
- + Chuẩn bị đồ dùng cá nhân

### **3 . Cách thức thực hiện**

- Lưu học sinh đi tham quan di tích lịch sử theo sự hướng dẫn của hướng dẫn viên, giáo viên
- Các lưu học sinh quan sát, ghi chép, phỏng vấn hướng dẫn viên, quay video, chụp ảnh...

### **4. Nhận xét, đánh giá**

- Giảng viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ của lưu học sinh sau chuyến đi thực tế.
- Giảng viên tổ chức để các em chia sẻ suy nghĩ của mình sau chuyến đi: Chuyến đi mang lại cho em những gì? Liệt kê những thông tin mà em thu thập được? Em thích nhất hoạt động nào?
- Giảng viên giao nhiệm vụ: Viết bài thuyết trình về Đền thờ công chúa Nhôi Hoa (sử dụng trong giờ luyện nói theo chủ đề về một di tích lịch sử của Ninh Bình).

### **Tiểu kết chương 2**

Trên cơ sở vận dụng lý thuyết về hoạt động trải nghiệm, trong chương 2, chúng tôi đi vào thiết kế các hoạt động trải nghiệm cho lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư. Căn cứ vào đặc trưng nội dung kiến thức của từng học phần, chúng tôi thiết kế các hình thức hoạt động trải nghiệm phù hợp, vừa nhằm củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức tiếng Việt vừa rèn các kỹ năng cần thiết và phát triển năng lực cho lưu học sinh. Qua đó các em được tích cực, hào hứng tham gia các hoạt động và ngày càng cảm thấy yêu hơn tiếng Việt, hiểu hơn về văn hoá Việt Nam.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trước hết, cần khẳng định dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào muốn đạt được hiệu quả cao cần có sự tham gia của nhiều yếu tố, trong đó hoạt động trải nghiệm có vai trò quan trọng. Đó được xem như một phương pháp dạy học tích cực mà giảng viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, lưu học sinh đóng vai trò chủ thể. Các hoạt động trải nghiệm tạo môi trường thực hành Tiếng Việt rất gần với cuộc sống hàng ngày của các em. Bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được vận dụng, được rèn luyện và được nâng cao rất nhiều qua các tình huống giao tiếp mà các em được tham gia.

Trong những năm qua, trường Đại học Hoa Lư luôn xác định việc hợp tác đào tạo lưu học sinh Lào cho tỉnh U-đom-xay, nước CHDCND Lào là nhiệm vụ chính trị đặc biệt của nhà trường. Ý thức được trách nhiệm lớn lao đó, các giảng viên cũng không ngừng học hỏi, tìm kiếm các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học một cách khoa học, hợp lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm (tham quan thực tế, tổ chức các trò chơi Tiếng Việt, đóng vai theo chủ đề hội thoại; các cuộc thi/hội thi, học hát, tham gia các sinh hoạt tập thể...) là những hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn, không chỉ giúp lưu học sinh Lào phát triển năng lực Tiếng Việt mà còn tạo cơ hội để các em tìm hiểu về văn hoá, đất nước và con người Việt Nam.

Thời gian tiếp theo, để nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề:

Về phía nhà trường: Có kế hoạch thường xuyên thực hiện bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cho đội ngũ giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác giảng dạy. Đối với bộ môn, thường xuyên tổ chức các buổi chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ kinh nghiệm về vấn đề phương pháp dạy học, nâng cao năng lực tự học cho lưu học sinh Lào.

Về phía giáo viên: phải tích cực tự trang bị, bổ sung kiến thức về Tiếng Lào, về phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, nắm vững

kiến thức học phần mà mình giảng dạy. Giáo viên phải tâm huyết, kiên trì, hiểu được đặc điểm tâm lý và văn hoá của các em lưu học sinh Lào để từ đó vận dụng các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp.

Về phía lưu học sinh Lào: Cần ý thức được tầm quan trọng của môn Tiếng Việt, tích cực học tập để trang bị kiến thức cho mình, lập kế hoạch tự học một cách cụ thể; tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm do giảng viên tổ chức, các hoạt động tập thể của lớp, của trường, tăng cường khả năng giao tiếp, nói tiếng Việt ở mọi nơi mọi lúc, thiết lập các mối quan hệ...

**CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ**  
**CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI**

1. Trần Thị Huyền Phương (2024), “Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lu”, Tạp chí *Giáo dục và xã hội* - Số đặc biệt tháng 9, tr 42 – 46, ISSN 1859 – 3917.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kỹ yếu hội thảo Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Kỹ yếu hội thảo Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*.
3. Bộ giáo dục (2015), Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT, *Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*.
4. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học tập 2*, NXB GD, Hà Nội
5. John Dewey (2012), *Kinh nghiệm và giáo dục* (Phan Anh Tuấn dịch), NXB Trẻ.
6. Đinh Thị Kim Thoa(2014), *Xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới*, Kỹ yếu hội thảo quốc tế, Học viện quản lý giáo dục.
7. Hoàng Phê (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng
8. Nguyễn Thị Dung (2019), *Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 4,5*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Nguyễn Thanh Hoà (2018), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư hiện nay*, Đề tài NCKH, Trường Đại học Hoa Lư.
10. Nguyễn Thị Thái Hoà (2018), *Phát triển vốn từ vựng Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào từ các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường Đại học Hà Tĩnh*, <http://htu.edu.vn>, ngày truy cập 25/5/2024.
11. Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trịnh Thị Hương, Trần Minh Hương (2019), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 10 môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục Việt Nam.
12. Nguyễn Mỹ Việt (2019), *Vận dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho lưu học sinh Lào ở trường Đại học Tân Trào*, <http://daihoctantrao.edu.vn>, ngày truy cập 15/2//2024.
13. Nhiều tác giả (2011), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa

14. Lê Thị Kim Anh (2020), Tổng quan về tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm của học sinh THCS theo tiếp cận năng lực lại Việt Nam, <http://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>.
15. Lê Thị Thu Hoài (2019) *Phương pháp giảng dạy từ vựng Tiếng Việt trong phần Hội thoại cơ bản dành cho lưu học sinh Lào tại trường Đại học Hoa Lư*, Đề tài NCKH, Đại học Hoa Lư.
16. Nguyễn Thị Liên (CB), Nguyễn Thị Hằng, Tưởng Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh (2017), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam
17. Lê Phương Liên – Nguyễn Yến Oanh (2020) - *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học – NXB Đại học Sư phạm*.
18. Trần Hoài Phương (2022) *Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Ngữ Văn THCS*, NXB Dân trí.
19. Tưởng Duy Hải (CB), Dương Thị Kim Dư, Tiêu Thị Mỹ Hồng (2018), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ Văn Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam.
20. Vũ Phương Thảo (2021) *Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ Văn tại trường PTTH Sư phạm Tràng An*, Đề tài NCKH, trường Đại học Hoa Lư.











